

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~13576~~ /BTC-CDT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

V/v lấy ý kiến về hồ sơ dự án
Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Ngày 03/7/2025, Chính phủ có văn bản số 618/BC-CP báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh mục và nội dung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới ngay trong năm 2025 nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ văn bản số 1398/UBTVQH15-TH ngày 21/8/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chuẩn bị tài liệu phục vụ Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV; căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) theo trình tự thủ tục rút gọn; các tài liệu gửi kèm theo gồm: Báo cáo việc tổng kết thi hành Luật Dự trữ quốc gia; Dự thảo Tờ trình Chính phủ; dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi); Bản so sánh dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) và Luật Dự trữ quốc gia hiện hành; Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

Do cấp có thẩm quyền yêu cầu trình hồ sơ dự án Luật gấp, Bộ Tài chính đề nghị Quý Cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Bộ Tài chính (Cục Dự trữ Nhà nước) trong ngày 04/9/2025 (đồng thời gửi file góp ý về địa chỉ: duongducminh@gdsr.gov.vn; điện thoại: 0919705555/ 0906049456).

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng website);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng website);
- Các đơn vị trong Bộ (để cho ý kiến);
- Lưu: VT, CDT (bản).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Tấn Cận

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Luật Dự trữ quốc gia

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

Luật Dự trữ quốc gia (DTQG) được Quốc hội khoá XIII thông qua tại Kỳ họp thứ tư, ngày 20 tháng 11 năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Sau hơn 10 năm thực hiện, Luật DTQG và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo khuôn khổ pháp lý căn bản, đầy đủ để thực hiện các hoạt động DTQG, chủ động đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Nhà nước, tạo cơ chế hình thành, quản lý, điều hành, sử dụng DTQG hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội; đã bước đầu huy động được sự tham gia của các thành phần kinh tế trong một số hoạt động DTQG. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật đã bộc lộ một vài hạn chế, vướng mắc ít nhiều ảnh hưởng tới tính kịp thời, minh bạch, hiệu quả của hoạt động dự trữ quốc gia trong thực hiện mục tiêu DTQG.

Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; trong đó, có sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DTQG liên quan đến thẩm quyền quyết định bổ sung chi mua bù hàng DTQG từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương và bổ sung mục tiêu xuất cấp phục vụ hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW; các Nghị quyết của Đảng về sắp xếp bộ máy (số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Bộ Chính trị; số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII) và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-

NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị) đặt ra yêu cầu Luật Dự trữ quốc gia phải được đánh giá, tổng kết việc thi hành để sửa đổi, hoàn thiện, cụ thể:

A. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

I. Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật

Công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Dự trữ quốc gia đã được Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia (DTQG) và các địa phương triển khai, thực hiện chủ động và có hiệu quả ngay sau khi Luật được ban hành. Cụ thể, nhiều cuộc hội nghị tập huấn, hội thảo tuyên truyền phổ biến Luật DTQG và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã được tổ chức. Nhiều bài viết giới thiệu các quy định mới về DTQG đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục DTNN. Bộ Tài chính đã biên tập và phát hành các cuốn sách về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về DTQG; phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí tổ chức thực hiện nhiều chuyên mục, chương trình, tin, bài phổ biến Luật DTQG và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức nhiều khóa học giới thiệu phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật DTQG và các văn bản hướng dẫn... Qua đó đã nâng cao nhận thức pháp luật và giúp cho việc thực thi các hoạt động DTQG theo đúng quy định của pháp luật.

II. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Luật

Sau khi Luật DTQG được ban hành, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật DTQG và Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15/12/2015 về sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng DTQG và phân công cơ quan quản lý hàng DTQG; đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành hoạt động DTQG và ban hành theo thẩm quyền hơn 40 Thông tư hướng dẫn thực hiện tất cả các hoạt động DTQG. Năm 2020, để đáp ứng nhu cầu công tác phòng chống dịch Covid 19, Bộ Tài chính đã báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1024/2020/UBTVQH14 ngày 09/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung nhóm hàng vật tư thiết bị y tế vào danh mục hàng DTQG và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 quy định danh mục chi tiết 15 mặt hàng vật tư thiết bị y tế. Năm 2024, Quốc hội ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi các Luật thuộc ngành tài chính, trong đó có sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dự trữ quốc gia về mục tiêu, thẩm quyền bổ sung vốn mua bù hàng DTQG cho phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Như vậy, đến nay hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật DTQG gồm 01 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 03 Nghị định Chính phủ; 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 40 Thông tư do Bộ Tài chính ban hành (Danh mục hệ thống Văn bản QPPL lĩnh vực DTQG theo Phụ lục I đính kèm). Ngoài ra, Bộ Tài chính còn ban hành nhiều quyết định cá biệt về tiêu chuẩn cơ sở hàng DTQG và tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị phục vụ quản lý hàng DTQG.

Về cơ bản, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về DTQG bảo đảm công khai, minh bạch, rõ nhiệm vụ, quyền hạn; tạo hành lang pháp lý điều chỉnh quá trình hình thành, quản lý, sử dụng hàng DTQG; tăng cường hiệu lực quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực DTQG.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

I. Kết quả đạt được:

1. Luật DTQG tạo khung pháp lý để DTQG phát huy vai trò sẵn sàng, chủ động đáp ứng các yêu cầu đột xuất, cấp bách phục vụ nhân dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia

1.1. Tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động DTQG, cơ bản thống nhất với hệ thống pháp luật chung, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả hoạt động DTQG

Luật DTQG đã thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động DTQG từ trước đến nay, đã tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động DTQG. Luật DTQG cùng hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện và những quy định pháp luật có liên quan (về đấu thầu, đấu giá, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, v.v...) đã tạo hành lang pháp lý thống nhất, đầy đủ, tạo thuận lợi để triển khai và nâng cao hiệu quả của hoạt động DTQG.

1.2. Xác định mục tiêu DTQG phù hợp với đặc thù của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời đảm bảo vai trò của hoạt động DTQG trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng

Luật DTQG quy định mục tiêu DTQG nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Mục tiêu DTQG nêu trên phù hợp với bối cảnh nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể hóa được quan điểm chủ trương của

Đảng về DTQG nêu tại văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X: “xây dựng lực lượng dự trữ nhà nước vững mạnh với cơ cấu hợp lý, có khả năng chủ động tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai và những biến cố bất thường xảy ra”; đồng thời tiếp tục đảm bảo vai trò của hoạt động DTQG trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

1.3. Nguồn lực DTQG được hình thành, tăng trưởng phù hợp với khả năng cân đối của NSNN; đảm bảo chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách, góp phần ổn định sản xuất và đời sống nhân dân

Từ khi Luật DTQG có hiệu lực (01/7/2013) đến nay, tổng mức DTQG và mức chi NSNN cho lĩnh vực DTQG có sự tăng trưởng về giá trị tuyệt đối so với với giai đoạn trước, đảm bảo chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách theo mục tiêu DTQG. Hàng DTQG đảm bảo ứng cứu kịp thời, hiệu quả cho phòng, chống thiên tai, bão lũ, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và phục vụ an ninh, quốc phòng, góp phần đảm bảo ổn định sản xuất, đời sống người dân. Cụ thể:

- Tổng mức DTQG có chuyển dịch theo xu hướng tăng về giá trị tuyệt đối trong giai đoạn 2013-2024. Tổng mức DTQG tính đến cuối năm 2024 tăng gần 1,5 lần so với thời điểm cuối năm 2013.

- Chi ngân sách nhà nước cho mua hàng DTQG có tăng trưởng đáng kể trong giai đoạn 2013-2024, mức chi NSNN cho DTQG năm 2024 cao gấp 3,5 lần so với năm 2013.

- Giá trị hàng DTQG xuất cấp trong mục tiêu DTQG có xu hướng tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2013 đến 2024. Trong 2 năm gần đây, giá trị hàng DTQG xuất cấp cho mục tiêu DTQG khoảng 1.400 tỷ đồng năm 2023 và 1.500 tỷ đồng năm 2024, so với năm 2013 (khoảng 1.380 tỷ đồng) tăng khoảng 1%. Các mặt hàng DTQG xuất cấp góp phần giúp nhân dân kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống, đảm bảo sức khỏe, từng bước nâng cao đời sống Nhân dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.4. Danh mục, cơ cấu hàng DTQG được chuyển dịch theo hướng hợp lý, phù hợp với nhu cầu sử dụng theo mục tiêu DTQG

Đến nay, danh mục hàng DTQG quy định gồm 13 nhóm hàng DTQG được chi tiết thành 68 mặt hàng trong danh mục chi tiết hàng DTQG. Các mặt hàng quy định trong danh mục đảm bảo phù hợp với mục tiêu DTQG và tiêu chí hàng DTQG quy định tại Luật. Cơ cấu hàng DTQG trong giai đoạn 2013-2024

chuyển dịch theo xu hướng tăng tỷ trọng các mặt hàng phục vụ an ninh, quốc phòng; giảm tỷ trọng mặt hàng lương thực. Nhìn chung danh mục và cơ cấu mặt hàng DTQG đang dự trữ trong thời gian qua cơ bản phù hợp với nhu cầu sử dụng hàng DTQG, đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách theo mục tiêu DTQG.

2. Tạo ra cơ chế huy động nguồn lực, khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động DTQG, hướng tới tăng quy mô nguồn lực DTQG, giảm dần gánh nặng cho NSNN

Luật DTQG quy định nhà nước có chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dự trữ quốc gia và cho phép các bộ, ngành quản lý hàng DTQG được thuê doanh nghiệp bảo quản hàng DTQG. Nghị định số 94/2013/NĐ-CP của Chính phủ giao các Bộ quản lý hàng DTQG tiếp nhận, quản lý, đưa vào sử dụng có hiệu quả tài sản, phát minh, sáng chế... do các tổ chức, cá nhân đóng góp và Bộ Tài chính ghi nhận bằng văn bản những đóng góp của tổ chức, cá nhân cho DTQG. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 172/2013/TT-BTC hướng dẫn cụ thể thuê bảo quản hàng DTQG. Theo đó, các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đáp ứng các điều kiện về kho tàng và công nghệ bảo quản có thể được thuê bảo quản hàng DTQG. Thực tế, cơ chế thuê tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng DTQG đã tạo điều kiện huy động, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động DTQG. Đến nay, toàn bộ hàng DTQG do Bộ Công Thương, Bộ Y tế và hầu hết hàng DTQG Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quản lý hiện đang thuê doanh nghiệp bảo quản, góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước trong việc đầu tư xây dựng hệ thống kho và công nghệ bảo quản hàng DTQG.

3. Phân công nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng, góp phần nâng cao hiệu quả, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quản lý, điều hành hoạt động DTQG.

3.1. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, điều hành hoạt động DTQG

Luật DTQG có 66 Điều, trong đó có 9 điều (từ Điều 12 đến Điều 20) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan trong quản lý, điều hành DTQG. Luật quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của hoạt động DTQG; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) trong công tác

quản lý nhà nước về DTQG. Đồng thời, Luật quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành quản lý hàng DTQG; của cơ quan DTQG chuyên trách; của đơn vị DTQG và các tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản và của UBND tỉnh, thành phố trong quản lý, sử dụng hàng DTQG. Về cơ bản khi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan nêu trên đảm bảo rõ ràng, không chồng chéo và phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quản lý, điều hành hoạt động DTQG.

3.2. Quy định rõ thẩm quyền, tăng cường phân cấp trong nhập, xuất hàng DTQG

Luật DTQG quy định rõ các trường hợp nhập, xuất hàng DTQG và thẩm quyền quyết định đối với từng trường hợp nhập, xuất (Điều 35, 36, 37). Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định nhập, xuất hàng DTQG (Điều 13) và phân cấp cho Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Quốc phòng, Công an, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) quyết định đối với trường hợp tạm xuất, tái nhập và nhập, xuất hàng DTQG trong tình huống đột xuất, cấp bách với giá trị hàng nhập, xuất tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính (3 tỷ đồng) cho mỗi tình huống cấp bách phát sinh.

Trên thực tế, mặc dù quy định tại Luật chưa bao quát hết các trường hợp nhập xuất hàng DTQG cần thiết, phát sinh trên thực tế nhưng về cơ bản các quy định rõ ràng về thẩm quyền và việc tăng cường phân cấp trong quyết định nhập, xuất hàng DTQG nêu trên đã thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, nâng cao trách nhiệm giải trình; đảm bảo linh hoạt, kịp thời và hiệu quả của hoạt động DTQG.

4. Hình thành, quản lý và sử dụng nguồn lực DTQG ngày càng hợp lý, chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả

4.1. Kế hoạch DTQG được xây dựng phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, năng lực thực hiện của các đơn vị DTQG và đáp ứng nhu cầu sử dụng hàng DTQG

Luật DTQG quy định kế hoạch DTQG được xây dựng 5 năm, hàng năm và được tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Kế hoạch DTQG được xây dựng căn cứ vào chiến lược DTQG; mục tiêu DTQG; khả năng cân đối của NSNN và dự báo tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế. Luật DTQG cũng quy định rõ các nội dung cần có trong kế hoạch DTQG và

nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan đơn vị có liên quan trong lập và phê duyệt kế hoạch.

Thực tế, kế hoạch DTQG hàng năm được xây dựng cơ bản phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, năng lực thực hiện của các đơn vị DTQG, đáp ứng được nhu cầu sử dụng hàng DTQG trong giai đoạn 2013-2024. Cụ thể, trong giai đoạn 2013-2024, NSNN đã bố trí đủ kinh phí cho 100% chỉ tiêu kế hoạch DTQG hàng năm được duyệt; hàng DTQG đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng hàng DTQG cho các tình huống đột xuất, cấp bách do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, phục vụ an ninh, quốc phòng, hoạt động đối ngoại cả về số lượng, chủng loại và chất lượng, chưa xảy ra tình trạng từ chối xuất cấp hàng DTQG trong mục tiêu DTQG theo đề nghị của các bộ, ngành, địa phương vì lý do thiếu hàng dự trữ trong kho.

4.2. Công tác mua, bán hàng DTQG cơ bản đảm bảo công khai, minh bạch, tăng cường cạnh tranh, góp phần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả ngân sách nhà nước

Luật DTQG quy định nguyên tắc mua hàng DTQG theo quy định pháp luật về đấu thầu; bán hàng DTQG theo quy định pháp luật về đấu giá; đồng thời bổ sung thêm phương thức mua, bán trực tiếp rộng rãi mọi đối tượng (đối với thóc) và quy định rõ trường hợp được chỉ định thầu. Về giá mua, giá bán thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về đấu giá, pháp luật về giá. Riêng hàng DTQG phục vụ an ninh, quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định giá mua, giá bán hàng sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính về nguyên tắc định giá.

Các quy định nêu trên vừa phù hợp với đặc thù hàng DTQG, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai công tác mua, bán hàng DTQG; vừa đảm bảo tính công khai, minh bạch, tăng cường cạnh tranh để giảm giá mua, tăng giá bán, góp phần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh phí từ NSNN chỉ cho DTQG. Cụ thể, trong giai đoạn 2013-2024, số lượng nhà thầu tham gia đấu thầu mua và đấu giá bán hàng DTQG tăng nhiều so với giai đoạn trước. Các bộ, ngành quản lý hàng DTQG mua được hàng DTQG đảm bảo chất lượng với giá mua hàng cạnh tranh, góp phần sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm NSNN.

4.3. Công tác nhập, xuất hàng DTQG tuân thủ nguyên tắc đúng kế hoạch, đúng thẩm quyền theo quy trình, thủ tục rõ ràng, minh bạch

Luật DTQG quy định nguyên tắc nhập, xuất hàng DTQG đúng kế hoạch, thẩm quyền; đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, giá, địa điểm; bảo đảm kịp

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

... and the ... of the ...
... and the ... of the ...
... and the ... of the ...

thời, an toàn; đúng thủ tục nhập, xuất theo quy định pháp luật. Bộ Tài chính đã ban hành nhiều thông tư hướng dẫn quy trình, thủ tục nhập, xuất hàng DTQG cụ thể đảm bảo thực hiện nhập, xuất hàng DTQG đúng theo nguyên tắc nêu trên.

Thực tế, công tác nhập, xuất hàng DTQG từ năm 2013 đến nay đã bảo đảm đúng nguyên tắc, thẩm quyền, quy trình nhập, xuất theo quy định tại Luật DTQG và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Hàng DTQG nhập kho được kiểm soát chặt chẽ về số lượng, chất lượng và thời gian; hàng xuất kho bảo đảm kịp thời, đúng mục đích, đúng định mức, đúng đối tượng, góp phần quản lý chặt chẽ nguồn lực Dự trữ quốc gia.

4.4. Công tác quản lý chất lượng hàng DTQG từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản hàng DTQG.

Luật DTQG quy định, hàng DTQG được bảo quản theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (sau đây gọi tắt là quy chuẩn); các bộ, ngành quản lý hàng DTQG chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm chất lượng hàng DTQG theo quy chuẩn. Nhà nước có chính sách đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học - kỹ thuật về dự trữ quốc gia, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động DTQG. Luật quy định rõ nội dung và yêu cầu đối với công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và ứng dụng công nghệ bảo quản hàng DTQG là phải hướng tới kéo dài thời gian lưu kho bảo quản, bảo đảm chất lượng, giảm hao hụt hàng DTQG, hạn chế ô nhiễm môi trường, phù hợp với thực tiễn và tiếp thu, chuyển giao có chọn lọc công nghệ bảo quản tiên tiến của quốc tế.

Từ năm 2013 đến nay, công tác quản lý chất lượng hàng DTQG đã có chuyển biến tích cực và đi vào nền nếp từ khâu nhập hàng, khâu bảo quản hàng và kiểm tra chất lượng hàng trước khi xuất hàng. Công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ bảo quản có nhiều thành tựu, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được triển khai, góp phần tích cực nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng hàng DTQG, nổi bật là nghiên cứu ứng dụng thành công và áp dụng diện rộng công nghệ bảo quản áp suất thấp đối với thóc tăng thời gian bảo quản từ 24 tháng lên 34 tháng, giảm tỷ lệ hao hụt từ 2,4% xuống còn 1,4% và công nghệ bảo quản kín bằng khí Nitơ đối với gạo kéo dài thời gian bảo quản từ 12 tháng lên 18 tháng đã đem lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí nâng cao chất lượng hàng DTQG.

4.5. Hàng DTQG được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đáp ứng có hiệu quả cho công tác phòng, chống thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, và đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh, góp phần ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

Luật DTQG quy định đầy đủ về nguyên tắc, trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan đơn vị; trình tự, thủ tục, kiểm tra, giám sát trong xuất cấp; tiếp nhận, quản lý và sử dụng hàng DTQG. Theo đó, hàng DTQG phải được sử dụng đúng mục đích, đối tượng, đúng chế độ quản lý tài chính, tài sản nhà nước, thống kê theo quy định pháp luật.

Thực tế kết quả thực thi Luật DTQG trong giai đoạn 2013 đến nay, về cơ bản việc xuất cấp, sử dụng hàng DTQG phù hợp với các nguyên tắc sử dụng hàng DTQG, sử dụng đúng mục tiêu, đáp ứng kịp thời, hiệu quả cho công tác phòng, chống thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, phục vụ an ninh, quốc phòng. Hàng DTQG xuất cấp được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, góp phần ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

5. Chi ngân sách nhà nước cho DTQG được bố trí trong dự toán NSNN và được quản lý chặt chẽ, phù hợp với đặc thù của hoạt động DTQG

Theo quy định của Luật DTQG, NSNN chi cho DTQG thực hiện theo quy định của Luật NSNN và được bố trí trong dự toán NSNN hàng năm; trong đó bao gồm: NSNN chi cho mua hàng DTQG, chi cho đầu tư xây dựng cơ bản và chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia. Luật NSNN năm 2015 đã tách riêng chi DTQG thành một nhiệm vụ chi của NSTW (không gộp chung với chi đầu tư phát triển như trước đây). Thực tế thực thi Luật DTQG từ năm 2013 đến nay cho thấy các quy định trên giúp việc quản lý nguồn kinh phí mua hàng DTQG chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả và góp phần từng bước tăng tổng mức DTQG. Bên cạnh đó, Luật DTQG quy định chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG thực hiện chế độ khoán theo định mức. Thực tiễn cho thấy chế độ khoán theo định mức chi phí nhập, xuất, bảo quản đã góp phần vừa sử dụng NSNN tiết kiệm, hiệu quả vừa đảm bảo tính linh hoạt cho các đơn vị DTQG trong thực hiện nhiệm vụ nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG.

Luật DTQG quy định Bộ, ngành quản lý hàng DTQG, đơn vị DTQG và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng DTQG phải tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán. Chế độ kế toán DTQG cũng đã được ban hành, hoàn thiện phù hợp với đặc thù quản lý hàng DTQG. Theo đó, các bộ, ngành quản lý hàng DTQG phải thực hiện hạch toán kế toán hàng DTQG được Chính phủ giao cho bộ, ngành quản lý. Cục DTNN là cơ quan thẩm định, tổng hợp quyết toán về DTQG, đảm bảo vai trò

quản lý nhà nước và đơn vị đầu mối trong hoạt động DTQG của cơ quan chuyên trách về DTQG.

6. Hệ thống kho DTQG được quy hoạch và từng bước đầu tư xây dựng phù hợp với khả năng của NSNN cùng định hướng chiến lược phát triển DTQG

6.1. Tạo hành lang pháp lý để phát triển hệ thống kho DTQG phù hợp với mục tiêu, yêu cầu DTQG và sự phát triển khoa học công nghệ bảo quản trong từng thời kỳ

Quy hoạch tổng thể hệ thống kho DTQG đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 94/QĐ-TTg ngày 17/01/2011 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước. Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho DTQG do Bộ Tài chính quản lý đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 403/QĐ-BTC phù hợp với quy hoạch tổng thể kho DTQG. Hiện dự thảo “Quy hoạch tổng thể hệ thống kho DTQG đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” đã được Bộ Tài chính chủ trì xây dựng và đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Để thực hiện quy hoạch kho DTQG, Luật DTQG còn bổ sung quy định về quy hoạch quỹ đất sử dụng xây dựng kho DTQG (Điều 60) và quy định UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bố trí đất xây dựng kho DTQG theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Điều 20), tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện quy hoạch hệ thống kho DTQG.

6.2. Hệ thống kho DTQG từng bước được cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới phù hợp với khả năng của NSNN, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển DTQG và quy hoạch kho DTQG.

Giai đoạn 2013-2024, hệ thống kho DTQG đã từng bước được sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới phù hợp với định hướng phát triển theo quy hoạch kho và phù hợp với khả năng chi trả của NSNN. Chi tính riêng tổng vốn đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống kho do Bộ Tài chính quản lý giai đoạn 2013-2024 đạt gần 951 tỷ đồng. Tích lượng kho do Bộ Tài chính quản lý tính vào thời điểm cuối năm 2024 đạt gần 940 nghìn tấn, tăng 40,8% so với năm 2013.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Về thực hiện chủ trương của Đảng nâng cao hiệu quả nguồn lực DTQG

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã đặt ra mục tiêu cụ thể đối với mức DTQG: *đến năm 2025 đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035 đạt 1,5% GDP, đến năm 2045 đạt 2% GDP.*

Ngày 16/01/2025, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 115-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019, trong đó đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”.*

Kết luận của Bộ Chính trị đã thay đổi cơ bản vị trí, vai trò của hoạt động DTQG. Theo đó, ngoài mục tiêu phục vụ an sinh – xã hội, an ninh, quốc phòng, nhập, xuất hàng DTQG để hỗ trợ, cứu trợ, viện trợ và trong tình huống đột xuất, cấp bách như hiện nay, Bộ Chính trị định hướng, yêu cầu phải xây dựng DTQG thực sự trở thành dự trữ chiến lược, công cụ phục vụ điều tiết thị trường. Thực hiện mục tiêu này, ngân sách nhà nước chi DTQG cũng được định hướng tăng hàng năm.

Luật DTQG hiện hành mới tập trung vào thực hiện mục tiêu phục vụ quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội mà chưa có quy định về mục tiêu, kế hoạch, quản lý, điều hành DTQG phục vụ điều tiết thị trường. Vì vậy, để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, nâng tầm vị trí, vai trò của DTQG thực sự trở thành dự trữ chiến lược, cần phải sửa đổi, bổ sung Luật DTQG, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện.

2. Về thực hiện chỉ đạo của Đảng tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nguyên tắc, yêu cầu và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, trong đó yêu cầu *“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa*

Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển".

Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong đó kết luận: *"Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ...; Kết thúc hoạt động của cơ quan thanh tra: Cục Dự trữ Nhà nước... Cục thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật."*

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của Trung ương, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư nêu trên, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ đã có nhiều thay đổi, một số Bộ, ngành được quy định trong Luật DTQG phải thay đổi tên gọi cho phù hợp như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nay là Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường, hoạt động thanh tra chuyên ngành tại các bộ, Cục DTNN.

Do đó, Luật DTQG cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ theo hướng đảm bảo phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và phân quyền, phân cấp triệt để trong hoạt động DTQG.

3. Về thực hiện chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu *"đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh"*.

Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó đã giao nhiệm vụ cho các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời

1. The first part of the document

2.

3.

4.

5.

6. The second part of the document

7.

8. The third part of the document

9. The fourth part of the document

10.

11.

12.

13.

14. The fifth part of the document

15.

16. The sixth part of the document

17.

18. The seventh part of the document

19.

20. The eighth part of the document

21.

22. The ninth part of the document

23.

24. The tenth part of the document

25.

26.

27.

28.

29.

30. The eleventh part of the document

31.

32.

33.

34. The twelfth part of the document

35.

36. The thirteenth part of the document

37.

38.

39.

40.

41.

42.

43.

44.

45. The fourteenth part of the document

46.

47.

48.

49.

50.

các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Do đó, Luật DTQG cần thiết phải bổ sung các quy định liên quan đến đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Về một số quy định của Luật DTQG chưa đồng bộ với quy định của luật có liên quan và thực tiễn thực hiện

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã ra nhiệm vụ *“Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”*.

Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy định pháp luật đã đặt ra nhiệm vụ: *“Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể; bảo đảm cơ sở pháp lý và các điều kiện để đẩy mạnh thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; cải cách triệt để thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong ban hành và tổ chức thi hành pháp luật. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài”*.

Thực hiện Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị nêu trên, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải rà soát tổng thể Luật DTQG, kịp thời phát hiện, chỉnh sửa, bổ sung hoặc thay thế những quy định không còn phù hợp với định hướng, đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng pháp luật. Đồng thời, nghiên cứu, sửa đổi Luật DTQG nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý, điều hành DTQG, phù hợp với quy định của một số Luật mới được Quốc hội thông qua.

Một số quy định của Luật Dự trữ quốc gia hiện nay chưa giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, chưa thể hiện được vai trò của DTQG là

nguồn dự trữ chiến lược, đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần ổn định phát triển kinh tế - xã hội; cụ thể như sau:

4.1. Mục tiêu DTQG chưa bao quát đầy đủ các hoạt động DTQG:

Trong những năm qua, Bộ Tài chính đã thực hiện xuất cấp gạo DTQG để thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại các Nghị định: (i) Số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (trước đây là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ); (ii) Số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp các quyết định hỗ trợ các dự án trồng rừng. Việc xuất cấp đã cho thấy hiệu quả của việc sử dụng hàng DTQG, góp phần đảm bảo an sinh, xã hội tại các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản. Tuy nhiên, các trường hợp này chưa được quy định cụ thể trong Luật, chưa thể hiện trong mục tiêu DTQG.

Bên cạnh đó, nhập, xuất hàng DTQG “khi giá cả thị trường tăng, giảm đột biến” (điểm c khoản 1 Điều 35 Luật DTQG) là một tình huống nhập, xuất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, là một trong những biện pháp bình ổn giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Luật Giá, nhằm đảm bảo ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và góp phần ổn định kinh tế. Tuy nhiên, tình huống này chưa được cụ thể hóa trong mục tiêu DTQG. Hiện nay, quan hệ quốc tế ngày càng trở nên phức tạp, xung đột và những chính sách thuế quan, bảo hộ thương mại của một số quốc gia đã ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và giá cả một số mặt hàng nói riêng. Do đó, để bình ổn giá cả thị trường, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội, cần thiết phải tăng cường nguồn lực DTQG, xây dựng DTQG trở thành công cụ hữu hiệu để phát triển kinh tế.

Thực hiện Kết luận số 115-KL/TW và xuất phát từ thực tiễn nêu trên, mục tiêu cần thiết phải bổ sung thêm nhiệm vụ “phục vụ an sinh xã hội; dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện các nhiệm vụ khác được Đảng và Nhà nước giao” để đảm bảo bao quát toàn bộ hoạt động DTQG, khẳng định vai trò, vị trí của DTQG trong việc ổn định nền kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Nguồn lực DTQG đang hạn chế các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách đưa vào DTQG:

Theo quy định của Luật thì nguồn lực DTQG được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước như nguồn tự nguyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quản lý, bảo quản hàng DTQG, hàng hóa huy động trong tình huống đột xuất cấp bách. Thực tiễn, nguồn lực DTQG chỉ có nguồn ngân sách nhà nước, trong những năm gần đây được bố trí tăng hằng năm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, chưa đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị, theo đó hàng năm mới đạt khoảng 0,2% GDP, kém rất xa mục tiêu 0,8% - 1,0% GDP vào năm 2025 mà Nghị quyết đề ra. Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế hợp tác sâu rộng thì việc mở rộng phạm vi nguồn lực ngoài ngân sách để tăng cường tiềm lực DTQG là rất cần thiết, nhất là các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nguồn vốn đầu tư ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG, đầu tư kho tàng DTQG theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, khi xung đột quân sự ngày càng có xu hướng tăng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát diện rộng thì việc huy động các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước đưa vào DTQG cần thiết phải mở rộng phạm vi đối tượng, trường hợp cấp bách có thể trưng mua, trưng dụng tài sản để đảm bảo quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia.

4.3. Nguyên tắc bảo quản hàng DTQG chưa phù hợp với thực tiễn:

a) Đối với việc bảo quản riêng hàng DTQG

Theo quy định của Luật DTQG, hàng DTQG phải được bảo quản riêng (khoản 1 Điều 51), tuy nhiên, thực tiễn bảo quản hàng DTQG tại các Bộ, ngành, đặc biệt xăng dầu DTQG tại Bộ Công Thương, việc để riêng sẽ tốn rất nhiều chi phí của Nhà nước, cũng như của doanh nghiệp do phải đầu tư trang bị, mua sắm thiết bị phục vụ công tác bảo quản, nhập, xuất, đồng bộ hệ thống thiết bị để thuận tiện trong quá trình luân chuyển, hoán đổi hàng DTQG khi hết hạn bảo quản (xăng dầu DTQG đến nay vẫn được cất giữ chung với xăng dầu của doanh nghiệp thuê bảo quản).

Để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng kho và tiết kiệm chi phí đầu tư, xây dựng kho dự trữ quốc gia, trên thực tế, các mặt hàng có quy chuẩn kỹ thuật bảo quản tương tự nhau có thể được bảo quản trong cùng kho dự trữ. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và quy

định về hiện đại hóa hoạt động DTQG việc ứng dụng, sử dụng hệ thống quản lý, giám sát, điều hành thông minh trong quản lý nhà nước đối với hoạt động nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia là cơ sở đảm bảo về chất lượng, số lượng hàng trong kho dự trữ quốc gia theo quy định pháp luật.

b) Đối với bảo quản hàng DTQG theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Theo quy định của Luật DTQG thì hàng DTQG phải bảo quản theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; theo đó, toàn bộ hàng DTQG phải được xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007 thì chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và phải đảm bảo nguyên tắc: (i) Sản phẩm, hàng hóa nhóm 1 (sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích không gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường) được quản lý chất lượng trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất công bố áp dụng; (ii) Sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 (sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý và đúng mục đích, vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường) được quản lý chất lượng trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Thực tiễn, trong các mặt hàng DTQG do Bộ Tài chính và các Bộ, ngành quản lý thì về cơ bản thuộc nhóm 1; một số ít mặt hàng như xăng dầu (Bộ Công thương quản lý), súng, đạn, vũ khí (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý) thuộc hàng hóa nhóm 2. Do đó, việc tất cả hàng DTQG phải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sẽ không phù hợp với Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. Trong khi đó, quy trình xây dựng quy chuẩn phải qua nhiều bước phức tạp, thời gian kéo dài, ảnh hưởng đến công tác quản lý và quá trình mua nhập hàng hóa vào kho DTQG. Đồng thời, hàng hóa trên thị trường chỉ trở thành hàng DTQG khi được mua và nhập kho DTQG, Bộ Tài chính quản lý nhà nước đối với hàng DTQG chỉ bắt đầu từ giai đoạn hàng được mua nhập kho, trong quá trình lưu kho dự trữ quốc gia đến khi xuất kho DTQG; theo đó, hàng hóa khi sản xuất, lưu thông trên thị trường thì không thuộc đối tượng quản lý của Bộ Tài chính mà phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do các Bộ chuyên ngành ban hành theo quy định của pháp luật. Bộ Tài chính chỉ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với quá trình nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG theo đúng phạm vi quản lý nhà nước đã được quy định trong Luật DTQG. Hiện nay, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng DTQG do Bộ Tài chính ban hành ngoài các quy định về

quản lý nhập, xuất, bảo quản đều có quy định về đặc tính kỹ thuật, phương pháp thử các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa, điều này dẫn đến chồng chéo về thẩm quyền xây dựng quy chuẩn giữa các Bộ quản lý chuyên ngành với Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, đối với hàng DTQG lĩnh vực quốc phòng, an ninh (Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quản lý) có yếu tố bí mật Nhà nước, khi xây dựng quy chuẩn không thể lấy ý kiến rộng rãi, nhiều mặt hàng hàng nhập khẩu nước ngoài, có tính chất đặc thù nên khó khăn trong việc thực hiện thẩm tra, thẩm định dự thảo quy chuẩn.

4.4. Một số tình huống nhập, xuất hàng DTQG phát sinh nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật:

Thực tiễn cho thấy một số tình huống nhập, xuất hàng DTQG chưa được quy định cụ thể trong Luật Dự trữ quốc gia như: Nhập, xuất điều chuyển hàng DTQG giữa các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG; nhập, xuất luân phiên đổi hàng, đặc biệt là việc thực hiện chủ trương chuyển đổi chủng loại xăng DTQG từ Ron 92 sang Ron 95 do Bộ Công Thương quản lý từ năm 2018 đến nay vẫn chưa thực hiện được. Do đó, để giải quyết triệt để khó khăn, vướng mắc này, đồng thời tạo khung pháp lý cho các tình huống khác, cần phải quy định trong Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi).

4.5. Danh mục hàng DTQG phải được rà soát về tiêu chí lựa chọn, về nhóm danh mục hàng hóa để phù hợp với tình hình mới:

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước có nhiều thay đổi, cùng với việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính đột phá, đã đặt ra yêu cầu danh mục hàng DTQG phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng đa dạng các mặt hàng dự trữ, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh và các nhóm hàng liên quan đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đồng thời phân quyền triệt để trong việc thay đổi, bổ sung danh mục hàng DTQG; đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội và chủ động, kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất cấp bách được Đảng và Nhà nước giao.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) là rất cần thiết để tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần quan trọng trong việc

khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay và đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với lĩnh vực DTQG trong tình hình mới.

Phần thứ II

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để khắc phục tồn tại, hạn chế nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Luật Dự trữ Quốc gia như sau:

I. Những nội dung phân quyền, phân cấp (gồm Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 47)

Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 21-KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; đảm bảo đồng bộ, thống nhất về nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã rà soát, sửa đổi các điều, khoản về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong hoạt động dự trữ quốc gia theo hướng các cơ quan này tổ chức quản lý hoạt động dự trữ quốc gia ở tầm vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở đó, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 47, cụ thể như sau:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 12 về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ quốc hội: Phân quyền cho Chính phủ thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh danh mục hàng DTQG.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 13 về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ: Bỏ nhiệm vụ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh danh mục hàng DTQG cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại khoản 2 Điều 12 nêu trên.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 13 và Điều 37 về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: Phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm vụ giao kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng DTQG hàng năm.

- Sửa đổi Điều 35, Điều 36, Điều 47 về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: Phân quyền nhiệm vụ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG nhập, xuất hàng DTQG để

cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và trong tình huống đột xuất cấp bách; tiêu hủy hàng DTQG.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 14, Điều 16 về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG cho phù hợp với thẩm quyền sau khi thực hiện phân quyền.

II. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục (gồm 04 Điều)

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân quyền, phân cấp triệt để, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã cắt giảm thủ tục hành chính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định 01 hoạt động điều chỉnh danh mục hàng DTQG (Điều 27); trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với 03 hoạt động nhập, xuất, luân phiên đổi hàng theo kế hoạch hàng năm và nhập, xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ, trong tình huống đột xuất cấp bách, thanh lý và tiêu hủy hàng DTQG (Điều 35, Điều 36, Điều 37).

III. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện (Gồm 45 Điều)

1. Mục tiêu dự trữ quốc gia (Điều 3)

Mục tiêu DTQG hiện nay chưa bao quát đầy đủ các hoạt động DTQG như: Xuất cấp hàng DTQG đảm bảo an sinh, xã hội liên quan đến chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, chính sách cho trẻ em, nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhập, xuất hàng DTQG để đảm bảo ổn định, phát triển kinh tế trong tình huống giá cả tăng, giảm đột biến.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 và Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về thực hiện tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, đề *“nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”*, đảm bảo quy định đầy đủ, bao quát được tất cả các trường hợp nhập, xuất hàng DTQG, tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để thực hiện, cần phải sửa đổi, bổ sung mục tiêu DTQG như sau:

“1. Chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước; phục vụ an sinh xã hội;

2. Dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đảng và Nhà nước giao.”

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan sau khi tổ chức sắp xếp lại bộ máy và thực hiện phân quyền, phân cấp (*Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16*)

- Đề đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn làm luật, nghị quyết, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trên cơ sở đó, Luật bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong việc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh và bổ sung nhiệm vụ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn thi hành Luật.

- Sửa đổi, bổ sung quy định thanh tra chuyên ngành về DTQG: Bỏ nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về DTQG của Bộ Tài chính theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo phù hợp với Luật Thanh tra; đồng thời, bổ sung nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực DTQG.

- Bãi bỏ các điều khoản quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, chuyển các nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính.

- Sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, các bộ và cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG sau khi thực hiện phân quyền, phân cấp.

3. Nguồn lực DTQG

a) Về nguồn lực hợp pháp đưa vào DTQG (*khoản 2 Điều 6*)

Nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước đưa vào DTQG theo quy định như hiện nay đang hạn chế phạm vi từ các nguồn lực khác như nguồn vốn ODA, nguồn vốn đầu tư xây dựng kho tự nguyện cung cấp hàng, hỗ trợ hoạt động nhập, xuất, nguồn lực đưa vào DTQG góp phần điều tiết thị trường, phát triển kinh tế - xã hội... Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) chỉ quy định nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước được đưa vào DTQG.

b) Về ngân sách nhà nước chi cho DTQG (Từ Điều 28 đến Điều 32)

Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng DTQG, chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng DTQG theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia; đồng thời, quy định nội dung liên quan đến xây dựng dự toán ngân sách nhà nước chi cho phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy định chi dự trữ quốc gia bao gồm cả chi mua hàng và chi hoạt động nhập, xuất mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng DTQG; bổ sung nội dung chi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; sửa đổi chi đầu tư xây dựng cơ bản thành chi đầu tư phát triển cho phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

4. Quản lý, điều hành hoạt động DTQG

a) Nhập, xuất hàng DTQG (Điều 35)

Ngoài các trường hợp nhập, xuất quy định trong Luật Dự trữ quốc gia, hàng năm, Bộ Tài chính còn xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau:

(1) Xuất gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho học sinh, học viên theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (trước đây là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn).

(2) Xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các địa phương để trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp các quyết định hỗ trợ các dự án trồng rừng.

Các trường hợp xuất gạo DTQG nêu trên đã được Bộ Tài chính tổ chức thực hiện hàng năm theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xuất cấp hàng DTQG. Thực tiễn thi hành các Nghị định nêu trên đã cho thấy hiệu quả của việc sử dụng hàng DTQG, góp phần đảm bảo an sinh, xã hội tại các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản.

Bên cạnh đó, để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)

bổ sung các nhiệm vụ nhập, xuất hàng DTQG để đáp ứng mục tiêu DTQG như đảm bảo an sinh xã hội, điều tiết thị trường,...

b) Nhập, xuất hàng DTQG trong các trường hợp khác (*Điều 39, Điều 47*)

Thực tiễn cho thấy một số tình huống nhập, xuất hàng DTQG phát sinh nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật DTQG như: Nhập, xuất điều chuyển hàng DTQG giữa các bộ: Nhập, xuất điều chuyển muối ăn từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sang Bộ Tài chính; nhiên liệu Jet-A1 từ Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) sang Bộ Công Thương; thuốc nổ TEN, TNT từ Bộ Công Thương sang Bộ Quốc phòng; chuyển đổi chủng loại hàng DTQG trong bộ: Chuyển đổi chủng loại dầu Diesel từ 0,25%S sang 0,05%S tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương; chuyển đổi chủng loại xăng từ A92 sang A95 tại Bộ Công Thương. Thực tế này gây khó khăn cho các Bộ trong quá trình thực hiện, chưa đảm bảo tính linh hoạt trong việc quản lý, điều hành hàng DTQG.

Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã bổ sung quy định về điều chuyển hàng DTQG giữa các bộ, cơ quan ngang bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ “quyết định và điều chỉnh danh mục chi tiết hàng DTQG”. Đồng thời, Luật đã bổ sung quy định về nhập, xuất hàng DTQG trong các tình huống khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định để bao quát hết các tình huống nhập, xuất có thể xảy ra trong quá trình thi hành pháp luật về DTQG.

Bên cạnh đó, hình thức xuất hàng thanh lý, tiêu hủy được Chính phủ hướng dẫn tại Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013, do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) giao Chính phủ hướng dẫn quy định này cùng với các hình thức xuất khác, theo đó, bỏ Điều 47 Luật Dự trữ quốc gia về thanh lý hàng DTQG.

c) Phương thức mua, bán hàng DTQG (*Điều 40, Điều 44, Điều 46*)

- Về phương thức mua hàng DTQG: Luật Dự trữ quốc gia quy định 02 phương thức mua hàng gồm: (i) Mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu gồm 05 hình thức: Đấu thầu rộng rãi, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu; (ii) Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng; trong đó, phương thức mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng không có quy định hướng dẫn về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện, điều này đã tạo khó khăn trong quá trình tổ chức mua hàng DTQG.

Luật Đấu thầu năm 2025 quy định nhiều hình thức mua hàng gồm: Chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng, mua sắm trực tiếp; đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế; tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá; các hình thức này đã được quy định cụ thể về nội dung, trình tự thực hiện. Như vậy, các hình thức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu đã mở rộng hơn so với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia.

Do đó, để đảm bảo đồng bộ quy định của hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) chỉ quy định mua hàng DTQG theo quy định của pháp luật về đấu thầu và mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết đối với trường hợp mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng.

- Về phương thức bán hàng DTQG: Luật Dự trữ quốc gia quy định 03 phương thức bán hàng gồm: (i) Bán đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá; (ii) Bán chỉ định (hàng DTQG thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh); (iii) Bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng; trong đó, phương thức bán trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng không có quy định hướng dẫn về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện, điều này đã tạo khó khăn trong quá trình tổ chức mua hàng DTQG.

Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) giao Chính phủ quy định chi tiết đối với trường hợp bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.

5. Công tác bảo quản hàng DTQG (Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 50, Điều 51, Điều 54)

a) Về nguyên tắc bảo quản hàng DTQG (Điều 51)

Theo quy định như hiện nay thì hàng DTQG phải được bảo quản riêng, tuy nhiên, thực tiễn bảo quản hàng DTQG tại các Bộ, ngành, đặc biệt xăng dầu DTQG tại Bộ Công Thương, việc để riêng sẽ tốn rất nhiều chi phí của Nhà nước, cũng như của doanh nghiệp do phải đầu tư trang bị, mua sắm thiết bị phục vụ công tác bảo quản, nhập, xuất, đồng bộ hệ thống thiết bị để thuận tiện trong quá trình luân chuyển, hoán đổi hàng DTQG khi hết hạn bảo quản. Để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng kho và tiết kiệm chi phí đầu tư, xây dựng kho dự trữ quốc gia, trên thực tế, các mặt hàng có quy chuẩn kỹ thuật bảo quản tương tự nhau có thể được bảo quản trong cùng kho dự trữ. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và quy định về

hiện đại hóa hoạt động DTQG việc ứng dụng, sử dụng hệ thống quản lý, giám sát, điều hành thông minh trong quản lý nhà nước đối với hoạt động nhập, xuất, bảo quản là cơ sở đảm bảo về số lượng, chất lượng, an toàn hàng DTQG theo quy định pháp luật.

Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) sửa đổi quy định nguyên tắc bảo quản phải được cất giữ, bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng DTQG (*Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 54*)

- Theo quy định tại Điều 27 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; trong khi đó, Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia quy định Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Do đó, thẩm quyền xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giữa các Luật chưa có sự thống nhất. Thực tiễn khi xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng hóa của các bộ, ngành có tính đặc thù riêng, dữ liệu thông tin không được công bố rộng rãi, đồng thời dự thảo phải tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, nhiều mặt hàng lĩnh vực quốc phòng, an ninh thuộc danh mục bí mật nhà nước, chủ yếu là nhập khẩu nên khó khăn khi Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì.

- Hàng hóa trên thị trường chỉ trở thành hàng DTQG khi được mua và nhập kho DTQG. Trước khi được mua, nhập kho DTQG, hàng hóa này không thuộc đối tượng quản lý của Bộ Tài chính. Do đó, việc giao Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng hóa này (trước khi mua, nhập kho DTQG) là không phù hợp với chức năng của Bộ Tài chính, đồng thời quy chuẩn do Bộ Tài chính ban hành có thể chồng chéo, tăng số lượng tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa trên thị trường. Ngoài ra, theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, khi ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải có nội dung thực hiện công bố hợp quy. Như vậy, một đơn vị sản xuất/kinh doanh khi cung cấp hàng DTQG sẽ vừa phải công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ quản lý chuyên ngành mặt hàng đó (để được phép lưu thông hàng hóa trên thị trường), lại vừa phải công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Tài chính (để được phép cung cấp hàng cho đơn vị DTQG). Điều này dẫn đến phát sinh thêm thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến chi phí, thời gian, gây phiền

hà cho doanh nghiệp cũng như chính các đơn vị DTQG khi phải thực hiện các thủ tục thông báo tiếp nhận hồ sơ hợp quy theo quy định.

Thực tế xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật cho thấy, quy trình xây dựng đòi hỏi quá trình nghiên cứu phức tạp, qua nhiều công đoạn. Đến nay, nhiều mặt hàng DTQG vẫn chưa ban hành được quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật ảnh hưởng đến việc quản lý và quá trình mua, nhập hàng.

Bên cạnh đó, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn không chỉ quy định về quy chuẩn kỹ thuật mà còn quy định về xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn. Trong khi đó, Luật Dự trữ quốc gia chỉ quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mà không có quy định về tiêu chuẩn là chưa có sự thống nhất giữa các Luật.

Để đồng bộ với pháp luật chung và thực tiễn nêu trên thì Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) sửa đổi theo hướng hàng DTQG được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và pháp luật chuyên ngành; Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng DTQG thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Về chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG (Điều 50)

Để phù hợp với thẩm quyền xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thực tiễn quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ theo lĩnh vực phụ trách, tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành hoạt động DTQG, nhất là trong những tình huống đột xuất, cấp bách, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) sửa đổi theo hướng Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG quyết định chi phí nhập, xuất, bảo quản, trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì quyết định chi phí tối đa để tổ chức triển khai thực hiện

6. Danh mục hàng DTQG (Điều 12, Điều 13, Điều 21, Điều 27)

- Hiện nay, một số mặt hàng dự trữ quốc gia đã được quy định trong các luật khác như Luật Dược (nguyên liệu làm thuốc), Luật Phòng chống thiên tai (nước uống, thiết bị xử lý nước)... nhưng chưa được cập nhật, quy định trong danh mục hàng dự trữ quốc gia. Ngoài ra, theo Quyết định của Thủ tướng phê duyệt quy hoạch hạ tầng dự trữ. Vì vậy, để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, cập nhật các mặt hàng mới, cần thiết phải bổ sung các mặt hàng nêu trên vào danh mục hàng DTQG.

- Bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo, xung đột quân sự, bảo hộ thương mại có xu hướng tăng, cùng với biến đổi khí hậu đã có những ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, xã hội, ngoại giao, an ninh, quốc phòng. Để đảm bảo mục tiêu DTQG, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, cứu đói, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung danh mục hàng DTQG theo hướng đa dạng hóa các mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh; bổ sung các nhóm hàng liên quan đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; đồng thời phân quyền triệt để trong việc thay đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng DTQG, kịp thời đáp ứng được yêu cầu khách quan.

Luật Dự trữ quốc gia quy định về nhóm danh mục hàng DTQG, trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng DTQG thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, đối với danh mục chi tiết hàng DTQG thì Chính phủ quy định. Trong một số trường hợp, quy trình này cần nhiều thời gian, không đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là tình huống đột xuất, cấp bách, cần phải bổ sung ngay mặt hàng để hỗ trợ, cứu trợ, viện trợ, khắc phục, phòng, chống hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phục vụ quốc phòng, an ninh. Để đảm bảo mục tiêu DTQG, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, cứu đói, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung danh mục hàng DTQG theo hướng đa dạng hóa các mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh; bổ sung các nhóm hàng liên quan đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; đồng thời phân quyền triệt để trong việc thay đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng DTQG, kịp thời đáp ứng được yêu cầu khách quan.

Do đó, thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng về phân cấp, phân quyền, các quy định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) quy định về thẩm quyền phê duyệt danh mục hàng DTQG theo hướng:

- Luật chỉ quy định các tiêu chí đối với các mặt hàng thuộc danh mục hàng DTQG và giao Chính phủ quy định danh mục hàng DTQG.

- Phân quyền quy định, điều chỉnh danh mục hàng DTQG từ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xuống Chính phủ; quy định danh mục chi tiết hàng DTQG từ Chính phủ xuống Thủ tướng Chính phủ. Luật chỉ quy định các tiêu chí

đối với các mặt hàng thuộc danh mục hàng DTQG và giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục hàng DTQG.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chí lựa chọn mặt hàng trong tình hình mới, nhất là hàng hóa lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đồng thời, quy định loại bỏ khỏi danh mục một số mặt hàng để đảm bảo mặt hàng DTQG là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có tần suất sử dụng nhiều, có tác dụng ứng phó kịp thời trong tình huống đột xuất, cấp bách; đặc chủng, không thể thay thế; vật tư, thiết bị, hàng hóa bảo đảm quốc phòng, an ninh mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng.

7. Kho DTQG, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*Điều 58, Điều 59, Điều 63, Điều 64*)

- Quy định về Quy hoạch tổng thể hệ thống kho DTQG tại Điều 58 Luật Dự trữ quốc gia đã được thay thế tại khoản 4 Điều 57 Luật Quy hoạch. Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung quy định về quy hoạch tổng thể hệ thống kho DTQG để đảm bảo đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật đầy đủ chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Theo quy định của Luật Quy hoạch thì Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho DTQG là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, để phù hợp với mục tiêu DTQG thì Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) quy định Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho DTQG theo hướng cập nhật nội dung để phù hợp với tình hình mới và thực tiễn ngành DTQG như bổ sung nội dung về đáp ứng nhu cầu xuất cấp của các địa phương, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, nguồn lực hệ thống kho, bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã bổ sung nội dung này quy định trong hiện đại hóa hoạt động DTQG và trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG. Đồng thời, Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xây dựng, tổng hợp đề xuất kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025, cụ thể: Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG xây dựng kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG, gửi Bộ Khoa học

và Công nghệ tổng hợp, đề xuất, gửi Bộ Tài chính đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Cập nhật, rà soát tên gọi tại một số điều khoản sau khi sửa đổi Luật, các nội dung chính tại các điều khoản này không thay đổi (*Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 34, Điều 38, Điều 52, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 61*)

Cập nhật thứ tự các trường hợp nhập, xuất quy định tại Điều 34; chỉnh sửa tên gọi “Bộ, ngành” thành “Bộ, cơ quan ngang bộ” quy định tại các Điều: Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 38, Điều 52, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 61 cho phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025.

IV. Những nội dung bổ sung (*Bổ sung 02 Điều quy định về tạm xuất hàng DTQG và quy định về điều khoản chuyển tiếp*)

Về tạm xuất hàng DTQG: Trong một số tình huống xuất hàng DTQG, sau khi xuất cấp, sử dụng vẫn còn giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để nhập kho DTQG. Vì vậy, để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với thẩm quyền quyết định nhập, xuất hàng DTQG, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) bổ sung 01 Điều quy định về việc tạm xuất hàng DTQG trong đó quy định: Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ có quyền tạm xuất hàng DTQG và tổ chức kiểm tra, giám định chất lượng sau khi sử dụng để nhập kho DTQG hoặc xử lý theo quy định.

Về quy định điều khoản chuyển tiếp: Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) bổ sung quy định này để đảm bảo các nhiệm vụ đang thực hiện diễn ra thông suốt khi có sự thay đổi của Luật.

V. Những nội dung lược bỏ (*gồm 06 Điều: Điều 15, Điều 21, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 47*)

- Bỏ Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ.

- Bỏ Điều 21. Phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia. Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã quy định Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hàng DTQG. Vì vậy, để đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý, điều hành tổ chức dự trữ quốc gia, Luật sửa đổi không quy định cụ thể việc phân công quản lý hàng DTQG.

- Bỏ các điều khoản liên quan đến mua, bán hàng DTQG do đã lồng ghép và các điều khoản quy định về mua, bán hàng DTQG: Điều 41. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định về pháp luật đấu thầu; Điều 42. Điều kiện chỉ định thầu; Điều 43. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng.

- Bỏ Điều 47. Thanh lý hàng DTQG vì quy định này đã được chỉnh sửa và quy định tại Điều 39. Nhập, xuất hàng DTQG trong các trường hợp khác đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Luật Dự trữ Quốc gia./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTT Hồ Đức Phớc;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, DTNN (06b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận .

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025; căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trình dự án Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã đặt ra mục tiêu cụ thể đối với mức DTQG: *đến năm 2025 đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035 đạt 1,5% GDP, đến năm 2045 đạt 2% GDP.*

Ngày 16/01/2025, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 115-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, trong đó đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”.*

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nguyên tắc, yêu cầu và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, trong đó yêu cầu: *“Tập trung các nguồn lực để tiếp tục khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của*

Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát, "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển".

Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong đó kết luận: *"Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ...; Kết thúc hoạt động của cơ quan thanh tra: Cục Dự trữ Nhà nước... Cục thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật."*

1.3. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: *"Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước"*.

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: *"Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển...; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, ... theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện"*.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 trong đó lưu ý: *"Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo"*.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đã nêu rõ: *"Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp căn cứ cụ thể, về cơ bản các luật khác chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn*

thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.”

1.4. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó yêu cầu: *“đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh”*.

Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó đã giao nhiệm vụ cho các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát các quy định pháp luật đề tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.5. Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”*

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Luật Dự trữ quốc gia (DTQG) được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Sau hơn 10 năm thực hiện, Luật Dự trữ quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo khuôn khổ pháp lý căn bản để thực hiện các hoạt động DTQG, chủ động đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Nhà nước, tạo cơ chế hình thành, quản lý, điều hành, sử dụng DTQG hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bước đầu huy động được sự tham gia của các thành phần kinh tế trong một số hoạt động DTQG.

Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; trong đó, có sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dự trữ quốc gia, các nội dung được sửa đổi cơ bản để phù hợp với các Luật ban hành trước đó, chưa đặt vấn đề sửa đổi toàn diện các quy định về lĩnh vực DTQG.

2.2. Trong thời gian qua, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, thực hiện phân quyền, phân cấp và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức

Chính phủ và Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ, trong đó đã có nhiều thay đổi về nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG. Đồng thời, một số thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đã được phân quyền, phân cấp cho Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG tại Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực DTQG. Do đó, để đảm bảo các quy định này có tính ổn định và giá trị lâu dài, cần thiết phải bổ sung, quy định trong Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi).

Bên cạnh đó, một số Luật được Quốc hội ban hành trong năm 2025 có các điều khoản quy định liên quan đến hoạt động dự trữ quốc gia như: Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công, Luật Thanh tra. Vì vậy, để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quá trình thi hành, cần thiết phải rà soát tổng thể, nghiên cứu ban hành Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) thay thế cho Luật hiện hành.

2.3. Một số quy định của Luật Dự trữ quốc gia hiện nay chưa giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, chưa thể hiện được vai trò của DTQG là nguồn dự trữ chiến lược, đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần ổn định phát triển kinh tế - xã hội; cụ thể như sau:

- Mục tiêu DTQG chưa thể chế chủ trương, chính sách của Đảng về vị trí, vai trò của DTQG:

Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã thay đổi cơ bản vị trí, vai trò của hoạt động DTQG. Theo đó, ngoài mục tiêu phục vụ an sinh – xã hội, an ninh, quốc phòng, nhập, xuất hàng DTQG để hỗ trợ, cứu trợ, viện trợ và trong tình huống đột xuất, cấp bách như hiện nay, Bộ Chính trị định hướng, yêu cầu phải xây dựng DTQG thực sự trở thành dự trữ chiến lược, công cụ phục vụ điều tiết thị trường. Thực hiện mục tiêu này, ngân sách nhà nước chi DTQG cũng được định hướng tăng hàng năm. Luật DTQG hiện hành với phương thức DTQG bằng hiện vật, thiết bị, hàng hóa mới tập trung vào thực hiện mục tiêu phục vụ quốc phòng, an ninh, các yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh mà chưa có quy định về mục tiêu, kế hoạch, quản lý, điều hành DTQG phục vụ điều tiết thị trường. Vì vậy, để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, nâng tầm vị trí, vai trò của DTQG thực sự trở thành dự trữ chiến lược, cần phải sửa đổi, bổ sung Luật DTQG, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện.

- Mục tiêu DTQG chưa bao quát đầy đủ các hoạt động DTQG:

Trong những năm qua, Bộ Tài chính đã thực hiện xuất cấp gạo DTQG để thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại các Nghị định: (i) Số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (trước đây là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ); (ii) Số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ các dự án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng. Việc xuất cấp gạo từ nguồn DTQG đã cho thấy hiệu quả của việc sử dụng hàng DTQG, góp phần đảm bảo an sinh, xã hội tại các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, chính sách, dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản. Tuy nhiên, các trường hợp này chưa được quy định cụ thể trong Luật, chưa thể hiện trong mục tiêu DTQG.

Bên cạnh đó, nhập, xuất hàng DTQG “khi giá cả thị trường tăng, giảm đột biến” (điểm c khoản 1 Điều 35 Luật DTQG) là một tình huống nhập, xuất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, là một trong những biện pháp bình ổn giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Luật Giá, nhằm đảm bảo ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và góp phần ổn định kinh tế. Tuy nhiên, tình huống này chưa được cụ thể hóa trong mục tiêu DTQG. Hiện nay, quan hệ quốc tế ngày càng trở nên phức tạp, xung đột và những chính sách thuế quan, bảo hộ thương mại của một số quốc gia đã ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và giá cả một số mặt hàng nói riêng. Do đó, để bình ổn giá cả thị trường, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội, cần thiết phải tăng cường nguồn lực DTQG, xây dựng DTQG trở thành công cụ hữu hiệu để phát triển kinh tế. Do đó, cần bổ sung mục tiêu “phát triển kinh tế, xã hội” trong mục tiêu DTQG để đảm bảo bao quát toàn bộ hoạt động DTQG, khẳng định vai trò, vị trí của DTQG trong việc ổn định nền kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Nguồn lực DTQG đang hạn chế các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách đưa vào DTQG:

Theo quy định của Luật thì nguồn lực DTQG được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước như nguồn tự nguyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quản lý, bảo quản hàng DTQG, hàng hóa huy động trong tình huống đột xuất cấp bách nhưng trên thực tế, nguồn lực DTQG chỉ có nguồn ngân sách nhà nước chỉ để mua vật tư, thiết bị, hàng hóa DTQG. Trong những năm gần

đây, ngân sách nhà nước bố trí cho DTQG có xu hướng tăng hằng năm nhưng mức DTQG mới đạt khoảng 0,2% GDP, kém rất xa mục tiêu 0,8% - 1,0% GDP vào năm 2025 mà Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị đã đặt ra. Tổng mức DTQG như hiện nay còn khiêm tốn chưa đáp ứng được các yêu cầu về đột xuất, cấp bách xảy ra trên diện rộng và chưa “thực sự trở thành dự trữ chiến lược, công cụ phục vụ điều tiết thị trường”.

Ngoài ra, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế hợp tác sâu rộng thì việc mở rộng phạm vi nguồn lực ngoài ngân sách để tăng cường tiềm lực DTQG là rất cần thiết, nhất là các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nguồn vốn đầu tư ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG, đầu tư kho tàng DTQG theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, khi xung đột quân sự ngày càng có xu hướng tăng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát diện rộng thì việc huy động các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước đưa vào DTQG cần thiết phải mở rộng phạm vi đối tượng, trường hợp cấp bách có thể trưng mua, trưng dụng tài sản để đảm bảo quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia.

- Nguyên tắc bảo quản hàng DTQG chưa phù hợp với thực tiễn:

Luật Dự trữ quốc gia quy định hàng DTQG phải được cất giữ riêng, quy định này thực tế đã phát sinh bất cập, đặc biệt đối với mặt hàng xăng, dầu DTQG. Trong một số trường hợp thì việc cất giữ riêng sẽ tốn rất nhiều chi phí khi phải đầu tư kho dự trữ, trang bị, mua sắm, đồng bộ với hệ thống nhập, xuất, bảo quản và làm tăng chi phí, tăng nhân lực trong hoạt động quản lý, điều hành. Trên thực tế, để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng các kho và các trang thiết bị của doanh nghiệp đã có sẵn thì các mặt hàng có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo quản tương tự nhau được bảo quản cùng trong kho dự trữ, hàng vẫn đảm bảo về số lượng, chất lượng và an toàn. Việc quản lý hoạt động DTQG của cơ quan nhà nước được thực hiện thông qua hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống điều hành thông minh.

- Một số tình huống nhập, xuất hàng DTQG phát sinh nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật:

Thực tiễn cho thấy một số tình huống nhập, xuất hàng DTQG chưa được quy định cụ thể trong Luật Dự trữ quốc gia như: Nhập, xuất điều chuyển hàng DTQG giữa các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG; nhập, xuất luân phiên đổi hàng, đặc biệt là việc thực hiện chủ trương chuyển đổi chủng loại xăng DTQG từ Ron 92 sang Ron 95 do Bộ Công Thương quản lý từ năm 2018 đến nay vẫn chưa thực hiện được. Do đó, để giải quyết triệt để khó khăn, vướng mắc

này, đồng thời tạo khung pháp lý cho các tình huống khác, cần phải quy định trong Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi).

- Danh mục hàng DTQG phải được rà soát về tiêu chí lựa chọn, về nhóm danh mục hàng hóa để phù hợp với tình hình mới:

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước có nhiều thay đổi, cùng với việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính đột phá, đã đặt ra yêu cầu danh mục hàng DTQG phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng đa dạng các mặt hàng dự trữ, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh và các nhóm hàng liên quan đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đồng thời phân quyền triệt để trong việc thay đổi, bổ sung danh mục hàng DTQG; đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội và chủ động, kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất cấp bách được Đảng và Nhà nước giao.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) là rất cần thiết để tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần quan trọng trong việc khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay và đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với lĩnh vực DTQG trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích ban hành

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước; hoàn thiện thể chế pháp luật trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, qua đó tạo hành lang pháp lý đầy đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tháo gỡ vướng mắc tại các quy định pháp luật hiện hành trong hoạt động dự trữ quốc gia, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, phục vụ an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật, thúc đẩy đơn giản hóa thủ tục hành chính và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực hợp pháp cho dự trữ quốc gia.

- Kế thừa và phát huy những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của đất nước; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch.

2. Quan điểm xây dựng

- Đảm bảo thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng liên quan đến dự trữ quốc gia. Riêng mục tiêu (i) *Thực sự trở thành nguồn dự trữ chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội* và (ii) *Là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa* được định hướng tại Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế sẽ được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá từng bước đồng thời với việc xây dựng lực lượng dự trữ đủ mạnh trong thời gian tới. Vì ngành DTQG trong suốt thời gian qua mới chỉ tập trung đáp ứng nhiệm vụ *chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; đảm bảo an sinh, xã hội; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước*; chưa có đủ năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành dự trữ chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội và điều tiết thị trường. Đồng thời, việc bổ sung các mục tiêu này có phạm vi ảnh hưởng, tác động đến nhiều bộ, ngành và các thành phần kinh tế khi tham gia thị trường, cần được nghiên cứu, đánh giá cụ thể, thận trọng.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định của các luật còn mâu thuẫn, gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi để tạo điều kiện cho hoạt động dự trữ quốc gia.

- Những quy định cần sửa đổi, bổ sung phải được xác định rõ ràng nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung; đồng thời đảm bảo tính độc lập, ổn định, thống nhất, kế thừa được nội dung khi sửa đổi, bổ sung toàn diện các luật.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật.

- Đảm bảo sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam; đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Chính phủ ban hành Nghị quyết số /NQ-CP ngày/...../2025 về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng /2025. Theo đó, Chính phủ đã thông qua đề nghị xây dựng dự án Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi).

2. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số/TTr-CP ngày .../.../2025 đề nghị bổ sung dự án Luật này vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 (trình Quốc hội cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 10, tháng 10 năm 2025 theo quy trình 01 kỳ họp).

3. Trong quá trình xây dựng Luật, Bộ Tài chính đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ban, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

4. Ngày/...../2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng/2025, trong đó đã duyệt và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký trình Quốc hội dự án Luật này tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Trên cơ sở kế thừa, tiếp tục phát huy các quy định được thực tiễn chứng minh phát huy hiệu quả của Luật Dự trữ quốc gia hiện hành, dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) không làm thay đổi phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động dự trữ quốc gia.

- Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.

2. Bố cục của Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)

Dự thảo Luật gồm 62 Điều, trong đó, sửa đổi 45/66 Điều, lược bỏ 06/66 Điều, giữ nguyên 15/66 Điều, bổ sung quy định mới 02 Điều và sắp xếp lại các Điều khoản; cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 20 Điều;
- Chương II: Chiến lược, kế hoạch dự trữ quốc gia, gồm 05 Điều;
- Chương III: Ngân sách Nhà nước chi cho dự trữ quốc gia, gồm 05 Điều;
- Chương IV: Quản lý, điều hành dự trữ quốc gia, gồm 04 Mục:
 - + Mục 1. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia, gồm 08 Điều;
 - + Mục 2. Mua, bán hàng dự trữ quốc gia, gồm 05 Điều;
 - + Mục 3. Giá mua, giá bán, chi phí nhập, chi phí xuất và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia, gồm 02 Điều;
 - + Mục 4. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia, gồm 04 Điều;
 - + Mục 5. Sử dụng hàng dự trữ quốc gia, gồm 03 Điều;

- Chương V. Kho dự trữ quốc gia, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm 07 Điều;
- Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều.

3. Nội dung cơ bản

Những nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật đã bám sát theo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, chỉ đạo của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước, Hiến pháp và không có quy định trái các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Các nội dung cụ thể như sau:

3.1. Những nội dung phân quyền, phân cấp (gồm Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 47)

Thế chế hóa các quan điểm, chủ trương của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về phân cấp, phân quyền tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 21-KL/TW ngày 24/1/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; đảm bảo đồng bộ, thống nhất về nguyên tắc phân định thẩm quyền, phân cấp, phân quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã rà soát, sửa đổi các điều, khoản về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong hoạt động dự trữ quốc gia theo hướng các cơ quan này tổ chức quản lý hoạt động dự trữ quốc gia ở tầm vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở đó, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 47, cụ thể như sau:

- Sửa đổi khoản 2 Điều 12 về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ quốc hội: Phân quyền cho Chính phủ thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh danh mục hàng DTQG.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 13 về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ: Bỏ nhiệm vụ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh danh mục hàng DTQG cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại khoản 2 Điều 12 nêu trên.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 13 và Điều 37 về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: Phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm vụ giao kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng DTQG hàng năm.

- Sửa đổi Điều 35, Điều 36, Điều 47 về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: Phân quyền nhiệm vụ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG nhập, xuất hàng DTQG để

cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và trong tình huống đột xuất cấp bách; tiêu hủy hàng DTQG.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 14, Điều 16 về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG cho phù hợp với thẩm quyền sau khi thực hiện phân quyền.

3.2. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục (gồm 04 Điều)

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân quyền, phân cấp triệt để, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã cắt giảm thủ tục hành chính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định 01 hoạt động điều chỉnh danh mục hàng DTQG (Điều 27); trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với 03 hoạt động nhập, xuất, luân phiên đổi hàng theo kế hoạch hàng năm và nhập, xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ, trong tình huống đột xuất cấp bách, thanh lý và tiêu hủy hàng DTQG (Điều 35, Điều 36, Điều 37).

3.3. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện (gồm 45 Điều)

3.3.1. Mục tiêu dự trữ quốc gia (Điều 3)

- Mục tiêu DTQG được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo bao quát đầy đủ các hoạt động DTQG như: xuất cấp hàng DTQG đảm bảo an sinh, xã hội liên quan đến chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, chính sách cho trẻ em, nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; nhập, xuất hàng DTQG để đảm bảo ổn định, phát triển kinh tế trong tình huống giá cả tăng, giảm đột biến, tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để thực hiện. Đồng thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng liên quan đến dự trữ quốc gia. Riêng mục tiêu (i) *Thực sự trở thành nguồn dự trữ chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội* và (ii) *Là công cụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa* được định hướng tại Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế sẽ được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá từng bước đồng thời với việc xây dựng lực lượng dự trữ đủ mạnh trong thời gian tới. Vì ngành DTQG trong suốt thời gian qua mới chỉ tập trung đáp ứng nhiệm vụ *chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; đảm bảo an sinh, xã hội; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước*; chưa có đủ năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành dự trữ chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội và điều tiết thị trường. Đồng thời, việc bổ sung các mục tiêu này có phạm vi ảnh hưởng, tác động đến

nhiều bộ, ngành và các thành phần kinh tế khi tham gia thị trường, cần được nghiên cứu, đánh giá cụ thể, thận trọng.

Vì vậy, mục tiêu DTQG được sửa đổi, bổ sung như sau: “Nhà nước hình thành, sử dụng dự trữ quốc gia nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước; đảm bảo an sinh, xã hội phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.”

3.3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan sau khi tổ chức sắp xếp lại bộ máy và thực hiện phân quyền, phân cấp (Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16)

- Đề đảm bảo phù hợp với Hiến pháp, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn làm luật, nghị quyết, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trên cơ sở đó, Luật bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong việc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án luật, nghị quyết, pháp lệnh và bổ sung nhiệm vụ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn thi hành Luật.

- Sửa đổi, bổ sung quy định thanh tra chuyên ngành về DTQG: Bỏ nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về DTQG của Bộ Tài chính theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo phù hợp với Luật Thanh tra; đồng thời, bổ sung nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực DTQG.

- Bãi bỏ các điều khoản quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, chuyển các nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sang nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính.

- Sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, các bộ và cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG sau khi thực hiện phân quyền, phân cấp.

3.3.3. Nguồn lực DTQG

a) Về nguồn lực hợp pháp đưa vào DTQG (khoản 2 Điều 6)

Nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước đưa vào DTQG theo quy định như hiện nay đang hạn chế phạm vi từ các nguồn lực khác như nguồn vốn ODA, nguồn vốn đầu tư xây dựng kho tự nguyện cung cấp hàng, hỗ trợ hoạt động nhập, xuất, nguồn lực đưa vào DTQG góp phần điều tiết thị trường, phát

triển kinh tế - xã hội... Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) chỉ quy định nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước được đưa vào DTQG.

b) Về ngân sách nhà nước chi cho DTQG (Từ Điều 28 đến Điều 32)

Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng DTQG, chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng DTQG theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia; đồng thời, quy định nội dung liên quan đến xây dựng dự toán ngân sách nhà nước chi cho phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy định chi dự trữ quốc gia bao gồm cả chi mua hàng và chi hoạt động nhập, xuất mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng DTQG; bổ sung nội dung chi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; sửa đổi chi đầu tư xây dựng cơ bản thành chi đầu tư phát triển cho phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.

3.3.4. Quản lý, điều hành hoạt động DTQG

a) Nhập, xuất hàng DTQG (Điều 35)

Ngoài các trường hợp nhập, xuất quy định trong Luật Dự trữ quốc gia, hàng năm, Bộ Tài chính còn xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau:

(1) Xuất gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho học sinh, học viên theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (trước đây là Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn).

(2) Xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các địa phương để trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ các dự án trồng rừng.

Các trường hợp xuất gạo DTQG nêu trên đã được Bộ Tài chính tổ chức thực hiện hàng năm theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xuất cấp hàng DTQG. Thực tiễn thi hành các Nghị định nêu trên đã cho thấy hiệu quả của việc sử dụng hàng DTQG, góp phần đảm bảo an sinh, xã hội tại các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản.

Bên cạnh đó, để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)

bổ sung các nhiệm vụ nhập, xuất hàng DTQG để đáp ứng mục tiêu DTQG như đảm bảo an sinh xã hội, điều tiết thị trường,...

b) Nhập, xuất hàng DTQG trong các trường hợp khác (Điều 39, Điều 47)

Thực tiễn cho thấy một số tình huống nhập, xuất hàng DTQG phát sinh nhưng chưa được quy định cụ thể trong Luật DTQG như: Nhập, xuất điều chuyển hàng DTQG giữa các bộ: Nhập, xuất điều chuyển muối ăn từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sang Bộ Tài chính; nhiên liệu Jet-A1 từ Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) sang Bộ Công Thương; thuốc nổ TEN, TNT từ Bộ Công Thương sang Bộ Quốc phòng; chuyển đổi chủng loại hàng DTQG trong bộ: Chuyển đổi chủng loại dầu Diesel từ 0,25%S sang 0,05%S tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương; chuyển đổi chủng loại xăng từ A92 sang A95 tại Bộ Công Thương. Thực tế này gây khó khăn cho các Bộ trong quá trình thực hiện, chưa đảm bảo tính linh hoạt trong việc quản lý, điều hành hàng DTQG.

Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã bổ sung quy định về điều chuyển hàng DTQG giữa các bộ, cơ quan ngang bộ do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ “quyết định và điều chỉnh danh mục chi tiết hàng DTQG”. Đồng thời, Luật đã bổ sung quy định về nhập, xuất hàng DTQG trong các tình huống khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định để bao quát hết các tình huống nhập, xuất có thể xảy ra trong quá trình thi hành pháp luật về DTQG.

Bên cạnh đó, hình thức xuất hàng thanh lý, tiêu hủy được Chính phủ hướng dẫn tại Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013, do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) giao Chính phủ hướng dẫn quy định này cùng với các hình thức xuất khác, theo đó, bỏ Điều 47 Luật Dự trữ quốc gia về thanh lý hàng DTQG.

c) Phương thức mua, bán hàng DTQG (Điều 40, Điều 44, Điều 46)

- Về phương thức mua hàng DTQG: Luật Dự trữ quốc gia quy định 02 phương thức mua hàng gồm: (i) Mua theo quy định của pháp luật về đấu thầu gồm 05 hình thức: Đấu thầu rộng rãi, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu; (ii) Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng; trong đó, phương thức mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng không có quy định hướng dẫn về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện, điều này đã tạo khó khăn trong quá trình tổ chức mua hàng DTQG.

Luật Đấu thầu năm 2025 quy định nhiều hình thức mua hàng gồm: Chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng, mua sắm trực tiếp; đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế; tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá; các hình thức này đã được quy

định cụ thể về nội dung, trình tự thực hiện. Như vậy, các hình thức đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu đã mở rộng hơn so với quy định tại Luật Dự trữ quốc gia.

Do đó, để đảm bảo đồng bộ quy định của hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với thực tiễn, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) chỉ quy định mua hàng DTQG theo quy định của pháp luật về đấu thầu và mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết đối với trường hợp mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng.

- Về phương thức bán hàng DTQG: Luật Dự trữ quốc gia quy định 03 phương thức bán hàng gồm: (i) Bán đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá; (ii) Bán chỉ định (hàng DTQG thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh); (iii) Bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng; trong đó, phương thức bán trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng không có quy định hướng dẫn về quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện, điều này đã tạo khó khăn trong quá trình tổ chức mua hàng DTQG.

Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) giao Chính phủ quy định chi tiết đối với trường hợp bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.

3.3.5. Công tác bảo quản hàng DTQG (Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 50, Điều 51, Điều 54)

a) Về nguyên tắc bảo quản hàng DTQG (Điều 51)

Theo quy định như hiện nay thì hàng DTQG phải được bảo quản riêng, tuy nhiên, thực tiễn bảo quản hàng DTQG tại các Bộ, ngành, đặc biệt xăng dầu DTQG tại Bộ Công Thương, việc để riêng sẽ tốn rất nhiều chi phí của Nhà nước, cũng như của doanh nghiệp do phải đầu tư trang bị, mua sắm thiết bị phục vụ công tác bảo quản, nhập, xuất, đồng bộ hệ thống thiết bị để thuận tiện trong quá trình luân chuyển, hoán đổi hàng DTQG khi hết hạn bảo quản. Để khai thác tối đa hiệu quả sử dụng kho và tiết kiệm chi phí đầu tư, xây dựng kho dự trữ quốc gia, trên thực tế, các mặt hàng có quy chuẩn kỹ thuật bảo quản tương tự nhau có thể được bảo quản trong cùng kho dự trữ. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 57-NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và quy định về hiện đại hóa hoạt động DTQG việc ứng dụng, sử dụng hệ thống quản lý, giám sát, điều hành thông minh trong quản lý nhà nước đối với hoạt động nhập, xuất, bảo quản là cơ sở đảm bảo về số lượng, chất lượng, an toàn hàng DTQG theo quy định pháp luật.

Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) sửa đổi quy định nguyên tắc bảo quản phải được cất giữ, bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật.

b) Về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng DTQG (Điều 14, Điều 16, Điều 17, Điều 54)

- Theo quy định tại Điều 27 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; trong khi đó, Điều 14 Luật Dự trữ quốc gia quy định Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Do đó, thẩm quyền xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giữa các Luật chưa có sự thống nhất. Thực tiễn khi xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng hóa của các bộ, ngành có tính đặc thù riêng, dữ liệu thông tin không được công bố rộng rãi, đồng thời dự thảo phải tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, nhiều mặt hàng lĩnh vực quốc phòng, an ninh thuộc danh mục bí mật nhà nước, chủ yếu là nhập khẩu nên khó khăn khi Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì.

- Hàng hóa trên thị trường chỉ trở thành hàng DTQG khi được mua và nhập kho DTQG. Trước khi được mua, nhập kho DTQG, hàng hóa này không thuộc đối tượng quản lý của Bộ Tài chính. Do đó, việc giao Bộ Tài chính ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với hàng hóa này (trước khi mua, nhập kho DTQG) là không phù hợp với chức năng của Bộ Tài chính, đồng thời quy chuẩn do Bộ Tài chính ban hành có thể chồng chéo, tăng số lượng tiêu chí, yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa trên thị trường. Ngoài ra, theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn, khi ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì phải có nội dung thực hiện công bố hợp quy. Như vậy, một đơn vị sản xuất/kinh doanh khi cung cấp hàng DTQG sẽ vừa phải công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ quản lý chuyên ngành mặt hàng đó (để được phép lưu thông hàng hóa trên thị trường), lại vừa phải công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Tài chính (để được phép cung cấp hàng cho đơn vị DTQG). Điều này dẫn đến phát sinh thêm thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến chi phí, thời gian, gây phiền hà cho doanh nghiệp cũng như chính các đơn vị DTQG khi phải thực hiện các thủ tục thông báo tiếp nhận hồ sơ hợp quy theo quy định.

Thực tế xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật cho thấy, quy trình xây dựng đòi hỏi quá trình nghiên cứu phức tạp, qua nhiều công đoạn. Đến nay, nhiều mặt hàng DTQG vẫn chưa ban hành được quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật ảnh hưởng đến việc quản lý và quá trình mua, nhập hàng.

Bên cạnh đó, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn không chỉ quy định về quy chuẩn kỹ thuật mà còn quy định về xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn. Trong khi đó, Luật Dự trữ quốc gia chỉ quy

định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mà không có quy định về tiêu chuẩn là chưa có sự thống nhất giữa các Luật.

Để đồng bộ với pháp luật chung và thực tiễn nêu trên thì Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) sửa đổi theo hướng hàng DTQG được bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và pháp luật chuyên ngành; Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng DTQG thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Về chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG (Điều 50)

Để phù hợp với thẩm quyền xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và thực tiễn quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ theo lĩnh vực phụ trách, tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành hoạt động DTQG, nhất là trong những tình huống đột xuất, cấp bách, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) sửa đổi theo hướng Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG quyết định chi phí nhập, xuất, bảo quản, trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì quyết định chi phí tối đa để tổ chức triển khai thực hiện

3.3.6. Danh mục hàng DTQG (Điều 12, Điều 13, Điều 21, Điều 27)

- Hiện nay, một số mặt hàng dự trữ quốc gia đã được quy định trong các luật khác như Luật Dược (nguyên liệu làm thuốc), Luật Phòng chống thiên tai (nước uống, thiết bị xử lý nước)... nhưng chưa được cập nhật, quy định trong danh mục hàng dự trữ quốc gia. Vì vậy, để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, cập nhật các mặt hàng mới, cần thiết phải bổ sung các mặt hàng nêu trên vào danh mục hàng DTQG.

- Bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo, xung đột quân sự, bảo hộ thương mại có xu hướng tăng, cùng với biến đổi khí hậu đã có những ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế, xã hội, ngoại giao, an ninh, quốc phòng. Để đảm bảo mục tiêu DTQG, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an ninh lương thực, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung danh mục hàng DTQG theo hướng đa dạng hóa các mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh; lương thực, an sinh xã hội; bổ sung các nhóm hàng liên quan đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; đồng thời phân quyền triệt để trong việc thay đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng DTQG, kịp thời đáp ứng được yêu cầu khách quan.

Luật Dự trữ quốc gia quy định về nhóm danh mục hàng DTQG, trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng DTQG thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, đối với danh mục chi tiết hàng DTQG thì Chính phủ quy định. Trong một số trường hợp, quy trình này cần nhiều thời gian, không

đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là tình huống đột xuất, cấp bách, cần phải bổ sung ngay mặt hàng để hỗ trợ, cứu trợ, viện trợ, khắc phục, phòng, chống hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, phục vụ quốc phòng, an ninh. Để đảm bảo mục tiêu DTQG, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, cứu đói, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung danh mục hàng DTQG theo hướng đa dạng hóa các mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng phục vụ quốc phòng, an ninh; bổ sung các nhóm hàng liên quan đến khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; đồng thời phân quyền triệt để trong việc thay đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng DTQG, kịp thời đáp ứng được yêu cầu khách quan.

Do đó, thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng về phân cấp, phân quyền, các quy định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, cơ quan ngang bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) quy định về thẩm quyền phê duyệt danh mục hàng DTQG theo hướng:

- Luật chỉ quy định các tiêu chí đối với các mặt hàng thuộc danh mục hàng DTQG và giao Chính phủ quy định danh mục hàng DTQG.

- Phân quyền quy định, điều chỉnh danh mục hàng DTQG từ Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xuống Chính phủ; quy định danh mục chi tiết hàng DTQG từ Chính phủ xuống Thủ tướng Chính phủ. Luật chỉ quy định các tiêu chí đối với các mặt hàng thuộc danh mục hàng DTQG và giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục hàng DTQG.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chí lựa chọn mặt hàng trong tình hình mới, nhất là hàng hóa lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đồng thời, quy định loại bỏ khỏi danh mục một số mặt hàng để đảm bảo mặt hàng DTQG là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có tần suất sử dụng nhiều, có tác dụng ứng phó kịp thời trong tình huống đột xuất, cấp bách; đặc chủng, không thể thay thế; vật tư, thiết bị, hàng hóa bảo đảm quốc phòng, an ninh mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng.

3.3.7. Kho DTQG, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 58, Điều 59, Điều 63, Điều 64)

- Quy định về Quy hoạch tổng thể hệ thống kho DTQG tại Điều 58 Luật Dự trữ quốc gia đã được thay thế tại khoản 4 Điều 57 Luật Quy hoạch. Do đó, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung quy định về quy hoạch tổng thể hệ thống kho DTQG để đảm bảo đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật đầy đủ chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Theo quy định của Luật Quy hoạch thì Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho DTQG là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, để phù hợp với mục tiêu DTQG thì Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) quy định Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho DTQG theo hướng cập nhật nội dung để phù hợp với tình hình mới và thực tiễn ngành DTQG như bổ sung nội dung về đáp ứng nhu cầu xuất cấp của các địa phương, phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, nguồn lực hệ thống kho, bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã bổ sung nội dung này quy định trong hiện đại hóa hoạt động DTQG và trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG. Đồng thời, Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xây dựng, tổng hợp đề xuất kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho phù hợp với quy định tại Điều 28 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025, cụ thể: Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG xây dựng kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất, gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3.3.8. Cập nhật, rà soát tên gọi tại một số điều khoản sau khi sửa đổi Luật, các nội dung chính tại các điều khoản này không thay đổi (Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 34, Điều 38, Điều 52, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 61)

Cập nhật thứ tự các trường hợp nhập, xuất quy định tại Điều 34; chỉnh sửa tên gọi “Bộ, ngành” thành “Bộ, cơ quan ngang bộ” quy định tại các Điều: Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 38, Điều 52, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 61 cho phù hợp với cơ cấu tổ chức của Chính phủ quy định tại Điều 2 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025.

3.4. Những nội dung bổ sung (Bổ sung 02 Điều quy định về tạm xuất hàng DTQG và quy định về điều khoản chuyển tiếp)

Về tạm xuất hàng DTQG: Trong một số tình huống xuất hàng DTQG, sau khi xuất cấp, sử dụng vẫn còn giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để nhập kho DTQG. Vì vậy, để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với thẩm quyền quyết định nhập, xuất hàng DTQG, Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) bổ sung 01 Điều quy định về việc tạm xuất hàng DTQG trong đó quy định: Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ có quyền tạm xuất hàng DTQG

và tổ chức kiểm tra, giám định chất lượng sau khi sử dụng để nhập kho DTQG hoặc xử lý theo quy định.

Về quy định điều khoản chuyển tiếp: Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) bổ sung quy định này để đảm bảo các nhiệm vụ đang thực hiện diễn ra thông suốt khi có sự thay đổi của Luật.

3.5. Những nội dung lược bỏ (gồm 06 Điều: Điều 15, Điều 21, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 47)

- Bỏ Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ.

- Bỏ Điều 21. Phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia. Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã quy định Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hàng DTQG. Vì vậy, để đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý, điều hành tổ chức dự trữ quốc gia, Luật sửa đổi không quy định cụ thể việc phân công quản lý hàng DTQG.

- Bỏ các điều khoản liên quan đến mua, bán hàng DTQG do đã lồng ghép và các điều khoản quy định về mua, bán hàng DTQG: Điều 41. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định về pháp luật đấu thầu; Điều 42. Điều kiện chỉ định thầu; Điều 43. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng.

- Bỏ Điều 47. Thanh lý hàng DTQG vì quy định này đã được chỉnh sửa và quy định tại Điều 39. Nhập, xuất hàng DTQG trong các trường hợp khác đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO LUẬT GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Về nguồn nhân lực

Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) được thông qua, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Luật.

2. Về điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật sửa nhiều luật.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể đề các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

3. Về thời gian trình thông qua

Dự thảo Luật dự kiến trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

VII. NHỮNG VĂN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi), Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu đính kèm theo quy định tại điểm b khoản 19 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

1. Tờ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
2. Dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi);
3. Bản so sánh dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) và Luật Dự trữ quốc gia hiện hành.
4. Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
5. Bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

6. Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội (để ph/h);
- Văn phòng Quốc hội (để ph/h);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, PC, CDT (03 bản).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

Số: /2025/QH15

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Dự trữ quốc gia.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động dự trữ quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật này là cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.

Điều 3. Mục tiêu của dự trữ quốc gia

Nhà nước hình thành, sử dụng dự trữ quốc gia nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước; đảm bảo an sinh, xã hội phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự trữ quốc gia* là dự trữ vật tư, thiết bị, hàng hóa do Nhà nước quản lý, nắm giữ.

2. *Hoạt động dự trữ quốc gia* là việc xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự toán ngân sách về dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.

3. *Hàng dự trữ quốc gia* là vật tư, thiết bị, hàng hóa trong Danh mục hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý, nắm giữ để sử dụng vào mục tiêu dự trữ quốc gia.

4. *Danh mục hàng dự trữ quốc gia* là tên nhóm hàng hóa, tên vật tư, tên thiết bị dự trữ quốc gia.

5. *Điều hành dự trữ quốc gia* là hoạt động quản lý, nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia.

6. *Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia* là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ.

7. *Đơn vị dự trữ quốc gia* là tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia.

8. *Tình huống đột xuất*, cấp bách là tình trạng thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát trên diện rộng; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; trật tự an toàn xã hội cần được giải quyết ngay.

9. *Tổng mức dự trữ quốc gia* là tổng giá trị dự trữ quốc gia.

10. *Mức phân bổ cho dự trữ quốc gia* là số tiền bố trí cho dự trữ quốc gia trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

11. *Thời hạn lưu kho hàng dự trữ quốc gia* là khoảng thời gian tối đa được xác định từ thời điểm nhập kho đến thời điểm xuất kho hàng dự trữ quốc gia.

12. *Xuất cấp hàng dự trữ quốc gia* là việc xuất hàng dự trữ quốc gia không thu tiền để cấp cho các tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về dự trữ quốc gia

1. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dự trữ quốc gia phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

2. Nhà nước xây dựng dự trữ quốc gia đủ mạnh, cơ cấu hợp lý, bảo đảm thực hiện mục tiêu dự trữ quốc gia, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

3. Nhà nước có chính sách đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học - kỹ thuật về dự trữ quốc gia, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia.

4. Nhà nước có chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dự trữ quốc gia.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Nguồn hình thành dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia được hình thành từ các nguồn sau đây:

1. Ngân sách nhà nước;

2. Nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước được đưa vào dự trữ quốc gia.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật; chủ động đáp ứng kịp thời yêu cầu, mục tiêu của dự trữ quốc gia.
2. Hàng dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật;
3. Hàng dự trữ quốc gia sau khi xuất phải được bù lại đủ, kịp thời.

Điều 8. Tổ chức dự trữ quốc gia

1. Tổ chức dự trữ quốc gia phải bảo đảm tập trung, thống nhất theo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ phân công bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.
2. Hệ thống tổ chức dự trữ quốc gia được bố trí ở trung ương và các khu vực, địa bàn chiến lược trong cả nước để kịp thời đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của dự trữ quốc gia, bao gồm:
 - a) Cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách thuộc Bộ Tài chính được tổ chức theo hệ thống dọc, gồm cơ quan ở trung ương và các đơn vị ở địa phương theo khu vực;
 - b) Các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và bộ phận làm công tác dự trữ quốc gia kiêm nhiệm tại bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia

1. Người làm công tác dự trữ quốc gia bao gồm:
 - a) Công chức, viên chức làm việc tại cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách;
 - b) Người làm công tác dự trữ quốc gia là quân nhân, công an;
 - c) Công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia tại bộ, cơ quan ngang bộ.
2. Người làm công tác dự trữ quốc gia theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp thâm niên; tùy theo lĩnh vực, tính chất công việc, được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia

1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về dự trữ quốc gia.
2. Quyết định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển dự trữ quốc gia.
3. Quy định chi tiết Danh mục hàng dự trữ quốc gia; phân bổ ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia; quyết định xuất, nhập, mua, bán hàng dự trữ quốc gia.

4. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia.

6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ dự trữ quốc gia.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dự trữ quốc gia.

8. Hợp tác quốc tế về dự trữ quốc gia.

Điều 11. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia

Cơ quan thanh tra thực hiện chức năng thanh tra về dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Làm luật, nghị quyết và sửa đổi luật, nghị quyết trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.

b) Quyết định chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia;

c) Quyết định mức phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành pháp lệnh, nghị quyết trong lĩnh vực dự trữ quốc gia;

b) Quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có).

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Quốc hội dự án luật, nghị quyết về lĩnh vực dự trữ quốc gia; quyết định chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia.

b) Trình Quốc hội quyết định mức phân bổ ngân sách trung ương chi cho dự trữ quốc gia hằng năm;

c) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghị quyết, pháp lệnh về lĩnh vực dự trữ quốc gia;

d) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có);

đ) Phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hàng dự trữ quốc gia.

e) Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực dự trữ quốc gia theo thẩm quyền.

2. Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Phê duyệt chiến lược dự trữ quốc gia, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia;

b) Giao dự toán ngân sách nhà nước chỉ cho dự trữ quốc gia trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê duyệt;

c) Quyết định và điều chỉnh Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia.

d) Quyết định việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Quyết định ngân sách trung ương mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp trong năm từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

Bộ Tài chính giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội luật, nghị quyết, chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia;

2. Lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương để Chính phủ trình Quốc hội quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương chỉ cho dự trữ quốc gia hằng năm;

3. Tham mưu Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết, pháp lệnh; quyết định mức bổ sung ngân sách trung ương chỉ cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có);

4. Trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực dự trữ quốc gia theo thẩm quyền; quy định danh mục hàng dự trữ quốc gia; phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hàng dự trữ quốc gia.

5. Chủ trì, phối hợp bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng chiến lược dự trữ quốc gia, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia, Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

6. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp trong năm từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương trên cơ sở đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.

7. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về chế độ quản lý tài chính, ngân sách, giá mua, giá bán, giá bồi thường thiệt hại đối với hàng dự trữ quốc gia; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra số lượng, chất lượng và giá trị hàng dự trữ quốc gia; tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, bảo quản, mua, bán, nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia

8. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm nguồn tài chính cho dự trữ quốc gia đối với bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia; thẩm định và tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước chỉ cho dự trữ quốc gia;

9. Bố trí, phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia;

10. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm;

11. Quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này.

12. Tổ chức điều hành hoạt động dự trữ quốc gia, kiểm tra, việc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm; hướng dẫn về tổ chức và hoạt động kiểm tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dự trữ quốc gia theo thẩm quyền.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia

1. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, Danh mục hàng dự trữ quốc gia;

2. Quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này;

3. Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý;

4. Quyết định xử lý hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý khi thanh lý, tiêu hủy, loại khỏi danh mục hàng dự trữ quốc gia.

5. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách

1. Tham mưu đề Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia; trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tham mưu đề Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Kiểm tra việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này.

4. Tham mưu giúp Bộ Tài chính xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý; phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ liên quan xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; tổng hợp, báo cáo về hoạt động dự trữ quốc gia để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Trình Bộ Tài chính quyết định kinh phí quản lý, mua, bán, nhập, xuất, bảo quản, bảo hiểm cho các đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự trữ quốc gia

1. Trực tiếp bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu huy động và sử dụng hàng dự trữ quốc gia trong mọi tình huống.

3. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Tổ chức theo dõi việc nhập, xuất, mua, bán, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản

1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng hợp đồng đã ký.

2. Thực hiện nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia cho cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách và bộ, cơ quan ngang bộ thuê bảo quản.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tuyên truyền, phổ biến, thực hiện chính sách, pháp luật về dự trữ quốc gia.

2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý dự trữ quốc gia trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm an toàn, bí mật các hoạt động dự trữ quốc gia tại địa phương.

3. Có trách nhiệm bố trí đất xây dựng kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Các hành vi bị cấm

1. Tiết lộ bí mật nhà nước về dự trữ quốc gia.
2. Lợi dụng việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia, tự ý thay đổi giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia để trục lợi.
3. Thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định về quản lý dự trữ quốc gia gây hư hỏng, mất mát, lãng phí tài sản thuộc dự trữ quốc gia.
4. Xâm phạm, phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật, hàng hóa dự trữ quốc gia.
5. Cản trở hoạt động dự trữ quốc gia.
6. Sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích.
7. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia không đúng thẩm quyền, không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, địa điểm.
8. Can thiệp trái pháp luật trong hoạt động dự trữ quốc gia.
9. Thực hiện không đúng; các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê trong hoạt động dự trữ quốc gia.
10. Thuê tổ chức, doanh nghiệp không đủ điều kiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Chương II

CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 21. Chiến lược dự trữ quốc gia

1. Nguyên tắc xây dựng chiến lược dự trữ quốc gia:
 - a) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ trong từng thời kỳ;
 - b) Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước;
 - c) Căn cứ vào dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước, tình huống đột xuất, cấp bách có khả năng xảy ra.
2. Nội dung chiến lược dự trữ quốc gia:
 - a) Mục tiêu dự trữ quốc gia, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế;
 - b) Nguồn lực dự trữ quốc gia; kế hoạch bố trí dự trữ quốc gia theo các khu vực, địa bàn chiến lược; bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích; sẵn sàng ứng phó với tình huống đột xuất, cấp bách;
 - c) Định hướng phát triển dự trữ quốc gia;
 - d) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược dự trữ quốc gia.
3. Chiến lược dự trữ quốc gia được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 22. Kế hoạch dự trữ quốc gia

1. Kế hoạch dự trữ quốc gia được xây dựng 5 năm, hằng năm và được tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

2. Căn cứ xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia:

- a) Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia;
- b) Mục tiêu của dự trữ quốc gia;
- c) Khả năng cân đối của ngân sách nhà nước;
- d) Dự báo về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, quốc tế.

3. Nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia:

- a) Mức dự trữ quốc gia cuối kỳ;
- b) Kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia;
- c) Đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật;
- d) Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- đ) Phương án cân đối nguồn tài chính kế hoạch dự trữ quốc gia.

Điều 23. Tổng mức dự trữ quốc gia

Tổng mức dự trữ quốc gia được bảo đảm thực hiện mục tiêu dự trữ quốc gia.

Điều 24. Phương thức dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia được dự trữ bằng vật tư, thiết bị, hàng hóa.

Điều 25. Danh mục hàng dự trữ quốc gia

1. Các mặt hàng thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng mục tiêu dự trữ quốc gia quy định tại Điều 3 của Luật này và một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có tần suất sử dụng nhiều, có tác dụng ứng phó kịp thời trong tình huống đột xuất, cấp bách;
- b) Là mặt hàng đặc chủng, không thể thay thế;
- c) Là vật tư, thiết bị, hàng hóa bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Là các mặt hàng đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực; các mặt hàng góp phần điều tiết thị trường, phát triển kinh tế - xã hội;
- đ) Là các mặt hàng công nghệ, truyền thông phục vụ hoạt động dự trữ quốc gia.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và phân công các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.

Chương III

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHI CHO DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 26. Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia

Ngân sách nhà nước chỉ cho dự trữ quốc gia thuộc nhiệm vụ của cấp trung ương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Điều 27. Ngân sách nhà nước chi dự trữ quốc gia

1. Căn cứ vào kế hoạch dự trữ quốc gia và dự toán chi dự trữ quốc gia được giao, Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia giao kế hoạch, phân bổ dự toán cho các đơn vị dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

2. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ, cần bổ sung dự toán chi dự trữ quốc gia trong năm thì bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán bổ sung gửi Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Dự toán chi dự trữ quốc gia trong năm ngân sách chưa sử dụng hết thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

4. Ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo hiểm được thực hiện theo kế hoạch, dự toán, định mức, hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và theo chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành.

5. Chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo chế độ khoán. Mức khoán bao gồm toàn bộ các nội dung chi phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản; Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia được sử dụng kinh phí tiết kiệm sau khi hoàn thành nhiệm vụ đề, tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và tăng thu nhập cho cán bộ công chức.

6. Đối với nhiệm vụ phát sinh trong năm, chưa có trong dự toán được giao đầu năm, Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật, hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia, lập dự toán chi nghiệp vụ dự trữ quốc gia, báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện.

7. Đối với các nhiệm vụ cần thực hiện ngay mà chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán, hoặc trường hợp cần kinh phí mua hàng dự trữ quốc gia để đảm bảo thời vụ trong khi chưa bán được hàng, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia báo cáo Bộ Tài chính cho phép tạm ứng chi dự trữ quốc gia từ NSNN để thực hiện và hoàn ứng khi được giao dự toán hoặc khi bán được hàng theo quy định.

Điều 28. Ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển của dự trữ quốc gia

1. Ngân sách nhà nước chỉ cho đầu tư phát triển của dự trữ quốc gia được bố trí trong kế hoạch hằng năm của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia

1. Ngân sách nhà nước chi hoạt động quản lý dự trữ quốc gia từ chi thường xuyên bao gồm: chi cho hoạt động của bộ máy quản lý; chi nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ bảo quản; chi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị dự trữ quốc gia được thực hiện theo chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành.

Điều 30. Cơ chế tài chính; chế độ kế toán, kiểm toán; chế độ thống kê, báo cáo về dự trữ quốc gia

1. Cơ chế tài chính đối với dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia, đơn vị dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, thống kê, kiểm toán và chế độ báo cáo về dự trữ quốc gia.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính kiểm tra, tổng hợp quyết toán về dự trữ quốc gia, báo cáo Chính phủ.

Chương IV

QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DỰ TRỮ QUỐC GIA

Mục 1. NHẬP, XUẤT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 31. Nguyên tắc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia

Việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Đúng kế hoạch, thẩm quyền;
2. Đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, giá, địa điểm; bảo đảm kịp thời, an toàn; đúng thủ tục nhập, xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Các trường hợp nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia

1. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách quy định tại Điều 33 của Luật này;

2. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Điều 34 của Luật này;

3. Tạm xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

4. Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch được giao quy định tại Điều 36 của Luật này;

5. Điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Điều 37 của Luật này;

6. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác quy định tại Điều 38 của Luật này.

Điều 33. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách

1. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau:

a) Tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật này;

b) Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) công bố dịch bệnh xảy ra tại địa phương.

2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về quyết định của mình và báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định nhập, xuất.

Điều 34. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau đây:

1. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn; hoặc lý do bất khả kháng khác;

2. Hỗ trợ cứu đói, đảm bảo an sinh xã hội;

3. Khi giá cả thị trường tăng, giảm đột biến; phục vụ điều tiết thị trường;

4. Đáp ứng an ninh năng lượng, an ninh lương thực; phát triển kinh tế - xã hội;

5. Đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh;

6. Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước;

7. Các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 35. Tạm xuất hàng dự trữ quốc gia

1. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định tạm xuất hàng dự trữ quốc gia để kịp thời phục vụ nhiệm vụ phát sinh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức kiểm tra, giám định chất lượng; trường hợp hàng dự trữ quốc gia đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dự trữ quốc gia phải được thu hồi ngay để bảo dưỡng, nhập lại kho dự trữ quốc gia và bảo quản theo

quy định; trường hợp không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quyết định xử lý và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 36. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia

1. Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, được thực hiện hằng năm. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính quyết định.

2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia; trường hợp chưa thực hiện xong trong năm kế hoạch, có văn bản gửi Bộ Tài chính quyết định.

3. Trường hợp do giá thay đổi khi xuất bán để luân phiên đổi hàng mà số tiền thu được không mua đủ số lượng hàng theo kế hoạch được duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia mua số lượng hàng tương ứng với số tiền thu được.

4. Trường hợp mua hàng dự trữ quốc gia mang tính thời vụ, trường hợp luân phiên đổi hàng phải mua nhập hàng mới trước khi xuất bán hàng cũ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định việc cho tạm ứng ngân sách nhà nước để mua hàng; bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã tạm ứng trong năm kế hoạch.

Điều 37. Điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia

1. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quy hoạch, kế hoạch để bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện về kho hàng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

b) Hàng dự trữ quốc gia trong vùng bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc không an toàn;

c) Điều chuyển hàng dự trữ quốc gia đến nơi cần thiết để sẵn sàng phục vụ các nhiệm vụ phát sinh;

d) Do yêu cầu cần thiết của công tác kiểm kê, bàn giao, thanh tra, điều tra.

2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia thông báo cho Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định điều chuyển.

Điều 38. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác, bao gồm:

a) Điều chuyển hàng dự trữ quốc gia giữa các Bộ, cơ quan ngang bộ;

b) Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác.

2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác, bao gồm:

- a) Xuất hàng dự trữ quốc gia khi thanh lý, tiêu hủy;
- b) Nhập hàng dự trữ quốc gia đối với số lượng hàng khi kiểm kê thực tế lớn hơn so với sổ kế toán.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Mục 2. MUA, BÁN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 39. Phương thức mua hàng dự trữ quốc gia

Việc mua hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức sau đây:

1. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
2. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng chỉ được áp dụng trong trường hợp mua thóc dự trữ quốc gia.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 40. Phương thức bán hàng dự trữ quốc gia

Việc bán hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức sau đây:

1. Bán đấu giá;
2. Bán chỉ định;
3. Bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.

Điều 41. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia

1. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá.

2. Trường hợp đấu giá không thành thì đơn vị được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia báo cáo Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.

Điều 42. Bán chỉ định, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng

1. Hàng dự trữ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh chỉ được bán chỉ định cho mục đích quốc phòng, an ninh.

2. Các mặt hàng dự trữ quốc gia được bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng bao gồm:

Hàng dự trữ quốc gia không thuộc quy định tại khoản 1 phải bán đấu giá nhưng bán đấu giá 02 cuộc không thành. Giá bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng không được thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 43. Thẩm quyền quyết định phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia

Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào quy định của Luật này, quyết định phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Mục 3. GIÁ MUA, GIÁ BÁN, CHI PHÍ NHẬP, CHI PHÍ XUẤT VÀ CHI PHÍ BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 44. Giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia

1. Giá mua hàng dự trữ quốc gia theo phương thức đấu thầu, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo phương thức đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá và pháp luật về giá.

2. Giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo phương thức mua, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu đối với hàng dự trữ quốc gia trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia;

b) Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia, trừ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định mức giá cụ thể theo giá thị trường tại thời điểm và từng địa bàn khi mua, bán hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhưng không được cao hơn giá mua tối đa và thấp hơn giá bán tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định;

c) Khi mua, bán hàng dự trữ quốc gia, nếu giá thị trường biến động cao hơn giá mua tối đa, thấp hơn giá bán tối thiểu, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh giá mua tối đa, giá bán tối thiểu trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính về nguyên tắc định giá.

Điều 45. Chi phí nhập, chi phí xuất, chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Việc quyết định chi phí nhập, chi phí xuất và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định chi phí nhập, chi phí xuất và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Trường hợp hàng dự trữ quốc gia chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG phê duyệt chi phí tối đa và tổ chức triển khai thực hiện.

Mục 4. BẢO QUẢN HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 46. Nguyên tắc bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ, bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và pháp luật chuyên ngành, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự

trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm về số lượng, chất lượng, an toàn.

2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu hao hụt quá định mức theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản phải bồi thường đối với số lượng hao hụt quá định mức đó; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì đơn vị, cá nhân được trích thưởng theo quy định của Chính phủ.

3. Hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng trong quá trình bảo quản phải được phục hồi hoặc xuất bán kịp thời để hạn chế thiệt hại. Trường hợp hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng do nguyên nhân khách quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản không phải bồi thường; trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Trách nhiệm bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kịp thời ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

3. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia và người trực tiếp quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao.

4. Đối với hàng dự trữ quốc gia có đặc thù về kỹ thuật, kho chứa, yêu cầu bảo quản, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia phải lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật này để ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

5. Cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra việc bảo quản hàng dự trữ quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 48. Điều kiện được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

Tổ chức, doanh nghiệp được bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia lựa chọn để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có tư cách pháp nhân;
2. Sản xuất, kinh doanh mặt hàng phù hợp với mặt hàng được thuê bảo quản;
3. Kho tàng, trang thiết bị phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia;

4. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật có kinh nghiệm quản lý, chuyên môn phù hợp để đáp ứng yêu cầu bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

5. Đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 49. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia

1. Cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan kiểm tra việc áp dụng; rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia phù hợp với mặt hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia và cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia để xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.

Mục 5. SỬ DỤNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 50. Nguyên tắc sử dụng hàng dự trữ quốc gia

1. Hàng dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đối tượng; đúng chế độ quản lý tài chính, tài sản nhà nước, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng hàng dự trữ quốc gia chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo kết quả sử dụng hàng dự trữ quốc gia với cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách.

3. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về việc đề nghị cấp và sử dụng hàng dự trữ quốc gia.

Điều 51. Trách nhiệm xuất cấp, tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm thực hiện đúng các thủ tục xuất kho, vận chuyển, giao hàng tại địa điểm quy định, kịp thời, an toàn, đúng số lượng, chất lượng, chủng loại.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ nhận hàng dự trữ quốc gia phải tiếp nhận kịp thời, phân phối đúng chế độ, chính sách, đối tượng; chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản nhà nước, chế độ thống kê và chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 52. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức sau khi nhận hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm:

1. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; bảo đảm không thất thoát, lãng phí;

2. Lập hồ sơ theo dõi, hạch toán, báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đối với hàng dự trữ quốc gia được cấp theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Đối với hàng dự trữ quốc gia được sử dụng nhiều lần phải mở sổ theo dõi chi tiết theo quy định của pháp luật.

Chương V

KHO DỰ TRỮ QUỐC GIA, NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ

Điều 53. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia

1. Việc lập quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch và bảo đảm phù hợp với chiến lược dự trữ quốc gia; đồng bộ, phù hợp với nơi sản xuất nguồn hàng, mật độ dân cư; bảo đảm an toàn.

2. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Phù hợp với mục tiêu và yêu cầu dự trữ quốc gia;
- b) Bảo đảm tính liên hoàn của hệ thống kho dự trữ quốc gia theo tuyến, vùng lãnh thổ;
- c) Bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số theo hướng hiện đại hóa trong công tác bảo quản và quy trình nhập, xuất;
- d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư;
- đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 54. Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia

1. Nguyên tắc quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia:

a) Phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và quy hoạch sử dụng đất của địa phương;

b) Thuận lợi cho bảo vệ, phòng chống cháy nổ, giao thông, thông tin liên lạc, nhập, xuất hàng; bảo đảm kho không bị ngập lụt; đồng bộ, quy mô lớn, công nghệ bảo quản tiên tiến, cơ giới hóa trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia.

c) Hệ thống kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với danh mục hàng dự trữ quốc gia được phân công, quản lý.

d) Đáp ứng nhu cầu xuất cấp của các địa phương theo địa bàn quản lý của các đơn vị dự trữ quốc gia.

đ) Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng của các vùng.

e) Phù hợp với nguồn lực về hệ thống kho bảo quản của từng đơn vị dự trữ quốc gia.

2. Nội dung quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm tính liên hoàn, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn với các vùng khác nhau trên toàn quốc, thuận lợi trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia;

b) Bảo đảm hiệu quả sử dụng cao;

c) Bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng hiện đại hóa trong công tác bảo quản và quy trình nhập, xuất, tiên tiến, hiện đại, quy mô phù hợp tại các vùng, tuyến chiến lược trong cả nước theo các quy hoạch đã được duyệt đảm bảo yêu cầu trong nhập, xuất, bảo quản, điều chuyển hàng dự trữ quốc gia; tăng cường năng lực quản lý và công nghệ thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu hàng dự trữ quốc gia toàn quốc, kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và các cấp quản lý;

d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư;

đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện.

3. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Điều 55. Quy hoạch quỹ đất sử dụng xây dựng kho dự trữ quốc gia

1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia lập kế hoạch sử dụng đất xây dựng kho dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm bố trí quỹ đất xây dựng kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch và thực hiện quản lý nhà nước đối với đất sử dụng vào mục đích xây dựng kho dự trữ quốc gia.

Điều 56. Yêu cầu đối với kho dự trữ quốc gia

1. Kho dự trữ quốc gia phải được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có công nghệ bảo quản tiên tiến, trang bị đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

2. Khu vực kho dự trữ quốc gia phải được tổ chức bảo vệ chặt chẽ, an toàn, bí mật theo quy định của pháp luật; trang bị đa phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết cho quan sát, giám sát, phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, hư hỏng, mất mát và các yếu tố khác có thể gây thiệt hại đến hàng dự trữ quốc gia.

3. Căn cứ quy hoạch kho dự trữ quốc gia đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia huy động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia theo tiêu chuẩn kho được quy định tại Điều

62 của Luật này để đơn vị dự trữ quốc gia thuê hoặc nhận hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

Điều 57. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia

1. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia sau khi thống nhất với Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia. Đối với kho dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 58. Hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia

Hoạt động dự trữ quốc gia phải được đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ bảo quản; đầu tư phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các phương tiện khác; bảo đảm hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia.

Điều 59. Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia

1. Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Kéo dài thời hạn lưu kho bảo quản, bảo đảm chất lượng, giảm hao hụt hàng dự trữ quốc gia; hạn chế ô nhiễm môi trường;

b) Phù hợp với thực tiễn; tiếp thu, chuyển giao có chọn lọc công nghệ bảo quản tiên tiến của quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia bao gồm:

a) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nghiên cứu công nghệ bảo quản mới thay thế công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia đã lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài;

b) Mở rộng hợp tác quốc tế trong chuyển giao ứng dụng công nghệ tiên tiến bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

c) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20....

Điều 61. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.

Điều 62. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ đang tổ chức triển khai chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 thì thực hiện theo quy định của Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

**Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng,
văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến
dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- *Mục đích:* Việc rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, đồng thời kiến nghị xử lý hoặc thay thế, bãi bỏ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với thực tiễn.

- *Yêu cầu:* việc rà soát phải đầy đủ, toàn diện, khách quan, chính xác và cập nhật đầy đủ các văn bản mới.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- *Phạm vi rà soát:* Rà soát toàn bộ các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- *Nội dung rà soát:* các nội dung trong văn kiện của Đảng, các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách, quy định trong lĩnh vực DTQG.

- *Đối tượng rà soát:* các Nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Hiến pháp; các bộ luật; các luật, nghị quyết, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định và nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến lĩnh vực dự trữ quốc gia.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng

Sau khi rà soát các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Bộ Tài chính nhận thấy có 08 văn bản có chủ trương, đường lối liên quan đến lĩnh vực DTQG, cụ thể như sau:

1.1. Tổ chức bộ máy

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW đã đề ra nguyên tắc, yêu cầu và nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, trong đó yêu cầu "...phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát..."

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trong đó kết luận: "Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ...; Kết thúc hoạt động của cơ quan thanh tra: Cục Dự trữ Nhà nước... Cục thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật."

Đề xuất phương án xử lý: Dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã thực hiện nghiêm túc, đúng, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng nêu tại các văn bản trên, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về chức năng nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia (trên cơ sở sáp nhập của các bộ, ngành, như Bộ Tài chính hợp nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy tên chung là Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng hợp nhất với Bộ Giao thông vận tải lấy tên chung là Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hợp nhất với Bộ Tài nguyên Môi trường lấy tên chung là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên trách dự trữ quốc gia thuộc Bộ Tài chính (Cục Dự trữ Nhà nước).

- Phân cấp, phân quyền triệt để, nâng cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt và thích ứng cao trong bối cảnh phát triển mới.

1.2. Nguồn lực dự trữ quốc gia

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh

tế đã đặt mục tiêu đối với mức dự trữ quốc gia, trong đó “Đến năm 2025 mức dự trữ quốc gia đạt 0,8% - 1,0% GDP; đến năm 2035, đạt 1,5% GDP; đến năm 2045, đạt 2% GDP.” Đồng thời tại Nghị quyết cũng yêu cầu rõ “Rà soát, hoàn thiện và thực hiện các giải pháp đồng bộ, thiết thực, hiệu quả để tăng dự trữ quốc gia.”

- Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Bộ Chính trị yêu cầu “mở rộng phạm vi và tăng cường năng lực, nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia, không chỉ phục vụ mục tiêu cứu trợ trong tình huống khẩn cấp mà thực sự trở thành dự trữ chiến lược, là công cụ phục vụ điều tiết thị trường để bảo đảm nền kinh tế vận hành ổn định, hiệu quả theo quy luật của thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Đề xuất phương án xử lý: Luật DTQG (sửa đổi) đã bổ sung, sửa đổi nhiều nội dung liên quan đến nguồn lực, mở rộng phạm vi DTQG, cụ thể như sau:

- Bổ sung mục tiêu “phục vụ an sinh xã hội, phát triển kinh tế” vào mục tiêu DTQG để đảm bảo bao quát toàn bộ hoạt động DTQG và định hướng hoạt động DTQG trong thời gian tới, không chỉ phục vụ cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ mà còn tham gia ổn định kinh tế vĩ mô.

- Mở rộng ngân sách nhà nước chi DTQG: thực hiện yêu cầu, chủ trương của Bộ Chính trị, phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Luật DTQG (sửa đổi) đã sửa đổi, bổ sung các quy định về ngân sách nhà nước chi DTQG, bổ sung chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng DTQG.

- Luật sửa đổi quy định về nguồn hình thành DTQG ngoài ngân sách theo hướng mở rộng tối đa đối với các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách, không liệt kê cụ thể, đảm bảo tất cả các nguồn lực hợp pháp đều có thể được đưa vào dự trữ.

- Luật sửa đổi, bổ sung quy định về danh mục hàng DTQG theo hướng phân quyền, phân cấp triệt để quyết định danh mục hàng DTQG và danh mục chi tiết hàng DTQG nhằm nâng cao khả năng ứng phó linh hoạt, kịp thời trong các tình huống khẩn cấp, tăng tính chủ động trong việc huy động nguồn lực DTQG; đưa ra khỏi danh mục những mặt hàng có tần suất sử dụng thấp, bổ sung các mặt hàng mới, đặc biệt là các mặt hàng đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

1.3. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Thế chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thế chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi

trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo... Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí...”

Đề xuất phương án xử lý: Dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) đã kế thừa một số quy định về ứng dụng, phát triển khoa học - công nghệ trong hoạt động nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG vẫn còn nguyên giá trị, phù hợp với tình hình mới; đồng thời bổ sung nội dung áp dụng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành để nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn lực DTQG, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

1.4. Về nội dung liên quan đến doanh nghiệp thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đề ra quan điểm chỉ đạo: “Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tham gia vào các nhiệm vụ quan trọng, chiến lược của quốc gia...”

Đề xuất phương án xử lý:

- Dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi) mở rộng nguồn lực hợp pháp huy động cho DTQG ngoài ngân sách nhà nước, đảm bảo nguồn lực của cá nhân, doanh nghiệp và tất cả các thành phần kinh tế đều có thể tham gia vào DTQG.

- Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thuê bảo quản hàng DTQG, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, phát huy được tối đa năng lực, công nghệ của các doanh nghiệp; đảm bảo hoạt động nhập, xuất, bảo quản hàng DTQG hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng được mục tiêu DTQG và lợi ích của doanh nghiệp.

1.5. Về đường lối hoàn thiện thể chế pháp luật hiện nay

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới: “Bảo đảm tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa đổi mới lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; tiến hành khẩn trương, nghiêm minh, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình, bước đi vững chắc.”

- Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu: “Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa

đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước.”

- *Đề xuất phương án xử lý:*

- Luật DTQG (sửa đổi) đã kế thừa những quy định vẫn phù hợp với thực tiễn nhằm duy trì sự ổn định và liên tục trong công tác quản lý nhà nước về DTQG, đồng thời đảm bảo không làm gián đoạn các hoạt động quan trọng, phục vụ lợi ích quốc gia; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định để đảm bảo thống nhất và đồng bộ với các quy định của pháp luật chung.

- Phân quyền, phân cấp triệt để nhiệm vụ, thẩm quyền trong hoạt động quản lý nhà nước; quyết định nhập, xuất hàng DTQG... đảm bảo cắt giảm thủ tục hành chính, kịp thời đáp ứng tình hình mới và đảm bảo mục tiêu DTQG.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trên thực tế.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo: Qua rà soát đã xác định được có 22 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Luật DTQG (sửa đổi) bao gồm các văn bản sau: 14 luật, 08 nghị định của Chính phủ. (Bao gồm pháp luật về tài chính – ngân sách, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, phòng chống thiên tai, các chính sách phát triển lâm nghiệp, hỗ trợ học sinh...) *(Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy nội dung của dự thảo Luật đã thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. Dự thảo Luật được xây dựng bảo đảm tính thống nhất pháp lý theo trình tự hiệu lực của đạo luật gốc là Hiến pháp, sau đó là các luật có liên quan.

Kết quả đánh giá cho thấy không có điều, khoản nào mâu thuẫn với Hiến pháp tức là không xuất hiện các xung đột pháp luật; không mâu thuẫn với các luật có liên quan. Đồng thời, dự thảo Luật đã gồm các nội dung được điều chỉnh để phù hợp giải quyết các mâu thuẫn chồng chéo giữa Luật DTQG hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác, đồng thời tháo gỡ các khó khăn, tăng tính khả thi trong việc thi hành và theo dõi pháp luật dự trữ quốc gia; cụ thể như sau:

2.1. Về nguồn lực dự trữ quốc gia

(1) Luật Ngân sách nhà nước 2025

- *Khoản 2 Điều 4 quy định:* “Chi dự trữ quốc gia là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng dự trữ quốc gia; chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia”.

- *Khoản 5 Điều 19 quy định:* “Quốc hội quyết định phân bổ ngân sách trung ương đối với dự toán chi dự trữ quốc gia của từng bộ.”

- *Khoản 5 Điều 20 quy định:* “Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về bổ sung dự toán số tăng thu ngân sách nhà nước.”

- *Điểm a khoản 2 Điều 26 quy định:* “Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ...”

- *Khoản 4 Điều 26 quy định:* “Thủ tướng Chính phủ quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương...”

- *Điều 27 quy định:* “Nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Tài chính:

1. Trình Chính phủ dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực tài chính – ngân sách, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn....

4. Tổng hợp, lập, trình Chính phủ dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương; dự toán điều chỉnh ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước.

8. Chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Luật này.”

- *Điều 30 quy định:* “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương:

1. Lập dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan mình.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan khác có liên quan trong quá trình tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, quyết toán ngân sách hằng năm thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

3. Kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

4. Báo cáo tình hình thực hiện kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

5. Ban hành các định mức kỹ thuật - kinh tế làm cơ sở cho việc quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

7. Quản lý, tổ chức thực hiện, quyết toán, công khai đối với ngân sách được giao; bảo đảm thu, chi ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật và hiệu quả ngân sách nhà nước.”

(2) Luật Phòng chống thiên tai 2013

- *Khoản 3 Điều 7 quy định:* Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai: Nhu yếu phẩm của tổ chức, cá nhân và hàng hóa, vật tư, thiết bị thuộc dự trữ quốc gia của cơ

quan nhà nước phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai bao gồm lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, hóa chất, thiết bị xử lý nước, thuốc khử trùng và vật phẩm cần thiết khác để bảo đảm đời sống nhân dân khi thiên tai xảy ra.

- *Điểm c khoản 1 Điều 32 quy định:* Nguồn lực cho cứu trợ khẩn cấp bao gồm lương thực, hàng hóa, thuốc chữa bệnh, hóa chất xử lý nước và môi trường thuộc dự trữ quốc gia; kinh phí dự phòng hằng năm từ ngân sách nhà nước; Quỹ phòng, chống thiên tai và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; hỗ trợ từ quốc tế.

- *Điểm a khoản 2 Điều 33 quy định:* Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền huy động nguồn lực của Nhà nước theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp, hỗ trợ trung hạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về dự trữ quốc gia. Việc hỗ trợ dài hạn thực hiện theo kế hoạch hằng năm.

(3) Điều 3 Luật Dược 2016 quy định: “Nhà nước thực hiện dự trữ quốc gia về thuốc và nguyên liệu làm thuốc”.

(4) Điểm d khoản 3 Điều 26 Luật Phòng thủ dân sự 2013 quy định: “Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh bao gồm: Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nước uống”.

(5) Khoản 1 Điều 7 Luật Tổ chức Quốc hội quy định: “Quốc hội quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của đất nước; chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

(6) Luật Tổ chức Chính phủ 2025

- *Điểm đ khoản 8 Điều 10 quy định:* “Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.”

- *Điểm b khoản 4 Điều 13 quy định:* “Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn bản pháp luật và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch...”

- *Khoản 1 Điều 19 quy định:* “Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ với tư cách là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ: Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo phân công...”

(7) Luật Giá 2023:

- *Khoản 2 Điều 14 quy định:* “Bộ Tài chính Ban hành theo thẩm quyền, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá...”

- *Điểm a khoản 1 Điều 19 quy định:* Các biện pháp bình ổn giá bao gồm: Điều hòa cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông;

- *Điểm c khoản 1 Điều 21 quy định:* Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: c) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

(8) Luật Quốc phòng

- *Điểm d khoản 2 Điều 7 quy định:* Nội dung cơ bản xây dựng nền quốc phòng toàn dân bao gồm: d) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo đảm nhu cầu dự trữ quốc gia cho quốc phòng; chuẩn bị các điều kiện cần thiết bảo đảm động viên quốc phòng.

- *Điểm b khoản 2 Điều 31 quy định:* Nhà nước có kế hoạch xây dựng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho quốc phòng. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho quốc phòng thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

(9) Điều 20 Luật Đấu thầu quy định các hình thức lựa chọn nhà thầu; điều kiện áp dụng; trình tự, thủ tục thực hiện trong trường hợp mua hàng DTQG.

(10) Điều 20 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định:

1. Dự trữ thuốc bảo vệ thực vật thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về số lượng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia;

b) Thuốc bảo vệ thực vật thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

2. Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thuộc hàng dự trữ quốc gia trong chống dịch được quy định như sau:

a) Trong trường hợp đột xuất, cấp bách khi có dịch và căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia để kịp thời chống dịch có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật ngân sách nhà nước và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời thông báo với Bộ Tài chính về việc xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiếp nhận, bảo quản, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia được hỗ trợ để chống dịch kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thuộc hàng dự trữ quốc gia đã hỗ trợ cho địa phương.

(11) Điều 22 Luật Thú y quy định dự trữ và sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia:

1. Dự trữ thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định số lượng, chủng loại thuốc thú y dự trữ quốc gia;

b) Thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

2. Việc sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được quy định như sau:

a) Trong trường hợp đột xuất, cấp bách khi có thiên tai, dịch bệnh động vật và căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định xuất, cấp thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia để phòng, chống dịch bệnh động vật có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật ngân sách nhà nước và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời thông báo cho Bộ Tài chính về việc xuất, cấp thuốc thú y dự trữ quốc gia; trường hợp vượt quá thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiếp nhận, bảo quản, sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được hỗ trợ để phòng, chống dịch bệnh động vật kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả sử dụng thuốc thú y thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia đã hỗ trợ cho địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí dự trữ thuốc thú y từ ngân sách địa phương để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật.

(12) Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

- Điều 71 quy định tài sản công tại cơ quan dự trữ nhà nước:

1. Tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan dự trữ nhà nước bao gồm:

a) Tài sản công phục vụ công tác quản lý của cơ quan dự trữ nhà nước;

b) Hệ thống kho dự trữ quốc gia.

2. Hàng hóa, vật tư thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia.

- Điều 72 quy định quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan dự trữ nhà nước

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ công tác quản lý của cơ quan dự trữ nhà nước được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương này.

2. Việc quản lý, sử dụng hệ thống kho dự trữ quốc gia được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương này, pháp luật về dự trữ quốc gia và quy định sau đây:

a) Cơ quan dự trữ nhà nước sử dụng kho để bảo quản tài sản công đã có quyết định thu hồi hoặc đã có quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân trong thời gian chờ xử lý theo nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao;

b) Cơ quan dự trữ nhà nước được khai thác kho khi chưa sử dụng hết công suất. Việc khai thác kho phải bảo đảm phù hợp với công năng, không làm ảnh hưởng tới bí mật, an toàn dự trữ quốc gia, việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và phải được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép.

Số tiền thu được từ việc khai thác, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

- Điều 73 quy định quản lý, sử dụng hàng hóa, vật tư thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia

Việc quản lý, sử dụng hàng hóa, vật tư thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia

(13) Luật Đấu giá tài sản quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản liên quan đến bán đấu giá hàng DTQG.

(14) Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định về hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng DTQG.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật:

Kết quả rà soát đến nay, Bộ Tài chính nhận thấy không có điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi).

4. Phụ lục (kèm theo)

Trên đây là Báo cáo về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Dự trữ quốc gia (sửa đổi)/.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/c)
- Lưu: VT, CDT (07b).

Lê Tấn Cận

PHỤ LỤC I

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài chính)

1. Luật Tổ chức Quốc hội (Luật số 57/2014/QH13 ngày 20/11/2014 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 65/2020/QH14 ngày 19/6/2020; Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 62/2025/QH15 ngày 17/02/2025)
2. Luật Tổ chức Chính phủ (Luật số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025)
3. Luật Ngân sách nhà nước (Luật số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025);
4. Luật Giá (Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023);
5. Luật Phòng chống thiên tai (Luật số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023);
6. Luật Đấu thầu (Luật số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025);
7. Luật Đầu tư công (Luật số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025);
8. Luật Phòng thủ dân sự (Luật số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023);
9. Luật Quốc phòng (Luật số 22/2018/QH14 ngày 08/5/2018);
10. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật (Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013);
11. Luật Thú y (Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2013);
12. Luật Dược (Luật số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 và Luật số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2014);

13. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Luật số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017);

14. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Luật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018);

15. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

16. Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

17. Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021;

18. Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

19. Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

20. Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

21. Nghị định số 126/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia;

22. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)
VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động dự trữ quốc gia.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động dự trữ quốc gia.	
Điều 2. Đối tượng áp dụng Đối tượng áp dụng của Luật này là cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Đối tượng áp dụng của Luật này là cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hình thành, quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia.	
Điều 3. Mục tiêu của dự trữ quốc gia Nhà nước hình thành, sử dụng dự trữ quốc gia nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước.	Điều 3. Mục tiêu của dự trữ quốc gia Nhà nước hình thành, sử dụng dự trữ quốc gia nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước; đảm bảo an sinh, xã hội phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.	
Điều 4. Giải thích từ ngữ	Điều 4. Giải thích từ ngữ	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Dự trữ quốc gia</i> là dự trữ vật tư, thiết bị, hàng hóa do Nhà nước quản lý, nắm giữ. 2. <i>Hoạt động dự trữ quốc gia</i> là việc xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự toán ngân sách về dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia. 3. <i>Hàng dự trữ quốc gia</i> là vật tư, thiết bị, hàng hóa trong Danh mục hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý, nắm giữ để sử dụng vào mục tiêu dự trữ quốc gia. 4. <i>Danh mục hàng dự trữ quốc gia</i> là tên nhóm hàng hóa, tên vật tư, tên thiết bị dự trữ quốc gia. 5. <i>Điều hành dự trữ quốc gia</i> là hoạt động quản lý, nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ bằng dự trữ quốc gia. 6. <i>Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia</i> là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ. 7. <i>Đơn vị dự trữ quốc gia</i> là tổ chức thuộc bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia. 8. <i>Tình huống đột xuất</i>, cấp bách là tình trạng thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát trên diện rộng; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; trật tự an toàn xã hội cần được giải quyết ngay. 9. <i>Tổng mức dự trữ quốc gia</i> là tổng giá trị dự trữ quốc gia. 10. <i>Mức phân bổ cho dự trữ quốc gia</i> là số tiền bố trí cho dự trữ quốc gia trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. 11. <i>Thời hạn lưu kho hàng dự trữ quốc gia</i> là khoảng thời gian	Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Dự trữ quốc gia</i> là dự trữ vật tư, thiết bị, hàng hóa do Nhà nước quản lý, nắm giữ. 2. <i>Hoạt động dự trữ quốc gia</i> là việc xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự toán ngân sách về dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật; quản lý, điều hành và sử dụng dự trữ quốc gia. 3. <i>Hàng dự trữ quốc gia</i> là vật tư, thiết bị, hàng hóa trong Danh mục hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước quản lý, nắm giữ để sử dụng vào mục tiêu dự trữ quốc gia. 4. <i>Danh mục hàng dự trữ quốc gia</i> là tên nhóm hàng hóa, tên vật tư, tên thiết bị dự trữ quốc gia. 5. <i>Điều hành dự trữ quốc gia</i> là hoạt động quản lý, nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia. 6. <i>Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia</i> là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia theo phân công của Chính phủ. 7. <i>Đơn vị dự trữ quốc gia</i> là tổ chức thuộc bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia. 8. <i>Tình huống đột xuất</i>, cấp bách là tình trạng thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát trên diện rộng; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; trật tự an toàn xã hội cần được giải quyết ngay. 9. <i>Tổng mức dự trữ quốc gia</i> là tổng giá trị dự trữ quốc gia. 10. <i>Mức phân bổ cho dự trữ quốc gia</i> là số tiền bố trí cho dự trữ quốc gia trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
tối đa được xác định từ thời điểm nhập kho đến thời điểm xuất kho hàng dự trữ quốc gia. 12. <i>Xuất cấp hàng dự trữ quốc gia</i> là việc xuất hàng dự trữ quốc gia không thu tiền để cấp cho các tổ chức, cá nhân.	11. <i>Thời hạn lưu kho hàng dự trữ quốc gia</i> là khoảng thời gian tối đa được xác định từ thời điểm nhập kho đến thời điểm xuất kho hàng dự trữ quốc gia. 12. <i>Xuất cấp hàng dự trữ quốc gia</i> là việc xuất hàng dự trữ quốc gia không thu tiền để cấp cho các tổ chức, cá nhân.	
Điều 5. Chính sách của Nhà nước về dự trữ quốc gia 1. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dự trữ quốc gia phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. 2. Nhà nước xây dựng dự trữ quốc gia đủ mạnh, cơ cấu hợp lý, bảo đảm thực hiện mục tiêu dự trữ quốc gia, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. 3. Nhà nước có chính sách đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học - kỹ thuật về dự trữ quốc gia, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia. 4. Nhà nước có chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dự trữ quốc gia. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Điều 5. Chính sách của Nhà nước về dự trữ quốc gia 1. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dự trữ quốc gia phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. 2. Nhà nước xây dựng dự trữ quốc gia đủ mạnh, cơ cấu hợp lý, bảo đảm thực hiện mục tiêu dự trữ quốc gia, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. 3. Nhà nước có chính sách đầu tư nghiên cứu phát triển khoa học - kỹ thuật về dự trữ quốc gia, ứng dụng công nghệ bảo quản, công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia. 4. Nhà nước có chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dự trữ quốc gia. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
Điều 6. Nguồn hình thành dự trữ quốc gia Dự trữ quốc gia được hình thành từ các nguồn sau đây: 1. Ngân sách nhà nước; 2. Nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước được đưa vào dự trữ quốc gia bao gồm các nguồn lực có được từ tự nguyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cung cấp công nghệ thông tin cho hoạt động quản lý và bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia; hàng hóa, vật tư	Điều 6. Nguồn hình thành dự trữ quốc gia Dự trữ quốc gia được hình thành từ các nguồn sau đây: 1. Ngân sách nhà nước; 2. Nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước được đưa vào dự trữ quốc gia.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
được huy động từ các tổ chức, cá nhân trong tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định của pháp luật.		
Điều 7. Nguyên tắc quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ, an toàn, bí mật theo quy định của pháp luật; chủ động đáp ứng kịp thời yêu cầu, mục tiêu của dự trữ quốc gia. Hàng dự trữ quốc gia sau khi xuất phải được bù lại đủ, kịp thời. 2. Hàng dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; không được sử dụng hàng dự trữ quốc gia để kinh doanh.	Điều 7. Nguyên tắc quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia phải được quản lý chặt chẽ, an toàn, bí mật theo quy định của pháp luật; chủ động đáp ứng kịp thời yêu cầu, mục tiêu của dự trữ quốc gia. 2. Hàng dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; không được sử dụng hàng dự trữ quốc gia để kinh doanh. 3. Hàng dự trữ quốc gia sau khi xuất phải được bù lại đủ, kịp thời.	
Điều 8. Tổ chức dự trữ quốc gia 1. Tổ chức dự trữ quốc gia phải bảo đảm tập trung, thống nhất theo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ phân công bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 2. Hệ thống tổ chức dự trữ quốc gia được bố trí ở trung ương và các khu vực, địa bàn chiến lược trong cả nước để kịp thời đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của dự trữ quốc gia, bao gồm: a) Cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách thuộc Bộ Tài chính được tổ chức theo hệ thống dọc, gồm cơ quan ở trung ương và các đơn vị ở địa phương theo khu vực; b) Các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và bộ phận làm công tác dự trữ quốc gia kiêm nhiệm tại bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.	Điều 8. Tổ chức dự trữ quốc gia 1. Tổ chức dự trữ quốc gia phải bảo đảm tập trung, thống nhất theo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ phân công bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 2. Hệ thống tổ chức dự trữ quốc gia được bố trí ở trung ương và các khu vực, địa bàn chiến lược trong cả nước để kịp thời đáp ứng yêu cầu, mục tiêu của dự trữ quốc gia, bao gồm: a) Cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách thuộc Bộ Tài chính được tổ chức theo hệ thống dọc, gồm cơ quan ở trung ương và các đơn vị ở địa phương theo khu vực; b) Các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và bộ phận làm công tác dự trữ quốc gia kiêm nhiệm tại bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
Điều 9. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia 1. Người làm công tác dự trữ quốc gia bao gồm: a) Công chức, viên chức làm việc tại cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách; b) Người làm công tác dự trữ quốc gia là quân nhân, công an; c) Công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia tại bộ, ngành. 2. Người làm công tác dự trữ quốc gia theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp thâm niên; tùy theo lĩnh vực, tính chất công việc, được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.	Điều 9. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác dự trữ quốc gia 1. Người làm công tác dự trữ quốc gia bao gồm: a) Công chức, viên chức làm việc tại cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách; b) Người làm công tác dự trữ quốc gia là quân nhân, công an; c) Công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia tại bộ, cơ quan ngang bộ. 2. Người làm công tác dự trữ quốc gia theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được hưởng phụ cấp thâm niên; tùy theo lĩnh vực, tính chất công việc, được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.	
Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia 1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về dự trữ quốc gia. 2. Quyết định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển dự trữ quốc gia. 3. Quy định chi tiết Danh mục hàng dự trữ quốc gia; phân bổ ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia; quyết định xuất, nhập, mua, bán hàng dự trữ quốc gia. 4. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia. 6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ dự trữ quốc gia. 7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi	Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia 1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về dự trữ quốc gia. 2. Quyết định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển dự trữ quốc gia. 3. Quy định chi tiết Danh mục hàng dự trữ quốc gia; phân bổ ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia; quyết định xuất, nhập, mua, bán hàng dự trữ quốc gia. 4. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dự trữ quốc gia. 6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ dự trữ quốc gia. 7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
phạm pháp luật về dự trữ quốc gia. 8. Hợp tác quốc tế về dự trữ quốc gia.	phạm pháp luật về dự trữ quốc gia. 8. Hợp tác quốc tế về dự trữ quốc gia.	
Điều 11. Thanh tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia 1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về thanh tra. 2. Thanh tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia là thanh tra việc chấp hành pháp luật về dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Quyền hạn, trách nhiệm của thanh tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.	Điều 11. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia 1. Cơ quan thanh tra thực hiện chức năng thanh tra về dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về thanh tra. 2. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia thực hiện chức năng kiểm tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia theo quy định của luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan về hoạt động kiểm tra chuyên ngành. 3. Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng của thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan.	
Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội 1. Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Quyết định chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia, phê duyệt kế hoạch 5 năm về dự trữ quốc gia; b) Quyết định mức phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm. 2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho dự	Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội 1. Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Làm luật, nghị quyết và sửa đổi luật, nghị quyết trong lĩnh vực dự trữ quốc gia. b) Quyết định chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia; c) Quyết định mức phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm. 2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
trữ quốc gia hằng năm (nếu có); b) <i>(được bãi bỏ) theo Luật số 56/2024/QH15</i> c) Điều chỉnh Danh mục hàng dự trữ quốc gia.	a) Ban hành pháp lệnh, nghị quyết trong lĩnh vực dự trữ quốc gia; b) Quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có).	
Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Trình Quốc hội quyết định chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia, kế hoạch 5 năm về dự trữ quốc gia; b) Trình Quốc hội quyết định mức phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm; c) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có); d) <i>(được bãi bỏ) theo Luật số 56/2024/QH15</i> đ) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh Danh mục hàng dự trữ quốc gia; e) Phân công bộ, ngành thực hiện quản lý hàng dự trữ quốc gia. 2. Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Phê duyệt chiến lược dự trữ quốc gia, kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia; b) Giao kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê duyệt;	Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Trình Quốc hội dự án luật, nghị quyết về lĩnh vực dự trữ quốc gia; quyết định chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia. b) Trình Quốc hội quyết định mức phân bổ ngân sách trung ương chỉ cho dự trữ quốc gia hằng năm; c) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội nghị quyết, pháp lệnh về lĩnh vực dự trữ quốc gia; d) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có); đ) Quy định danh mục hàng dự trữ quốc gia; e) Phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hàng dự trữ quốc gia. f) Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực dự trữ quốc gia theo thẩm quyền. 2. Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Phê duyệt chiến lược dự trữ quốc gia, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia; b) Giao dự toán ngân sách nhà nước chỉ cho dự trữ quốc gia trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
c) Quyết định việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Quyết định ngân sách trung ương mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp trong năm từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	phê duyệt; c) Quyết định và điều chỉnh Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia. d) Quyết định việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật có liên quan; d) Quyết định ngân sách trung ương mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp trong năm từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính Bộ Tài chính giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu để Chính phủ trình Quốc hội chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia, kế hoạch 5 năm về dự trữ quốc gia; 2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương để Chính phủ trình Quốc hội quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ mức bổ sung ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định; 3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng chiến lược dự trữ quốc gia, kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm, quy hoạch tổng thể hệ	Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính Bộ Tài chính giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: 1. Tham mưu Chính phủ trình Quốc hội luật, nghị quyết, chính sách phát triển dự trữ quốc gia, định hướng nguồn lực dự trữ quốc gia; 2. Lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương để Chính phủ trình Quốc hội quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương chi cho dự trữ quốc gia hằng năm; 3. Tham mưu Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết, pháp lệnh; quyết định mức bổ sung ngân sách trung ương chi cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có); 4. Trình Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực dự trữ quốc gia theo thẩm quyền; quy định danh mục hàng dự trữ quốc gia; phân công bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hàng dự trữ quốc gia. 5. Chủ trì, phối hợp bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
thống kho dự trữ quốc gia, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 4. Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; 5. Tổ chức điều hành hoạt động dự trữ quốc gia, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dự trữ quốc gia theo thẩm quyền; 6. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm nguồn tài chính cho dự trữ quốc gia đối với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia; thẩm định và tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia; 7. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về chế độ quản lý tài chính, ngân sách, quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu, giá bồi thường thiệt hại đối với hàng dự trữ quốc gia và mức chi phí cho việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra số lượng, chất lượng và giá trị hàng dự trữ quốc gia; tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, bảo quản, mua, bán, nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia.	trữ quốc gia xây dựng chiến lược dự trữ quốc gia, quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia, Danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; 6. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp trong năm từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương trên cơ sở đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia. 7. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về chế độ quản lý tài chính, ngân sách, giá mua, giá bán, giá bồi thường thiệt hại đối với hàng dự trữ quốc gia; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra số lượng, chất lượng và giá trị hàng dự trữ quốc gia; tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, bảo quản, mua, bán, nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia 8. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm nguồn tài chính cho dự trữ quốc gia đối với bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia; thẩm định và tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia; 9. Bố trí, phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia; 10. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm; 11. Quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này. 12. Tổ chức điều hành hoạt động dự trữ quốc gia, kiểm tra, việc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia hằng năm; hướng	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	dẫn về tổ chức và hoạt động kiểm tra chuyên ngành về dự trữ quốc gia; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dự trữ quốc gia theo thẩm quyền.	
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư 1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với dự trữ quốc gia. 2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm, hằng năm về dự trữ quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ. 3. Phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu đề Chính phủ trình Quốc hội quyết định phương án phân bổ ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm; phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ mức bổ sung ngân sách trung ương cho dự trữ quốc gia hằng năm (nếu có) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.	Lược bỏ Điều này	
Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia 1. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, Danh mục hàng dự trữ quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và mức dự trữ từng loại hàng dự trữ quốc gia. 2. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 3. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia 1. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, Danh mục hàng dự trữ quốc gia; 2. Quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này; 3. Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý; 4. Quyết định xử lý hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý khi thanh lý, tiêu hủy, loại khỏi danh mục hàng dự trữ quốc gia. 5. Tổ chức chỉ đạo các đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	hiện kế hoạch dự trữ quốc gia; ký và thực hiện hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. 6. Báo cáo công tác quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ;	
Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách 1. Tham mưu để Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia; trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Tham mưu để Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ. 3. Kiểm tra việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này. 4. Tham mưu giúp Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia; định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; tổng hợp, báo cáo về hoạt động dự trữ quốc gia để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ. 5. Trình Bộ Tài chính quyết định kinh phí quản lý, bảo quản cho các đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách 1. Tham mưu để Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia; trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Tham mưu để Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ. 3. Kiểm tra việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Luật này. 4. Tham mưu giúp Bộ Tài chính xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý; phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ liên quan xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; tổng hợp, báo cáo về hoạt động dự trữ quốc gia để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ. 5. Trình Bộ Tài chính quyết định kinh phí quản lý, mua, bán, nhập, xuất, bảo quản, bảo hiểm cho các đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	
Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự trữ quốc gia	Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự trữ quốc gia	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
1. Trực tiếp bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 2. Bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu huy động và sử dụng hàng dự trữ quốc gia trong mọi tình huống. 3. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 4. Tổ chức theo dõi việc nhập, xuất, mua, bán, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.	1. Trực tiếp bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 2. Bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu huy động và sử dụng hàng dự trữ quốc gia trong mọi tình huống. 3. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 4. Tổ chức theo dõi việc nhập, xuất, mua, bán, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.	
Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản 1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng hợp đồng đã ký. 2. Thực hiện nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 3. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật. 4. Thực hiện báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia cho cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách và bộ, ngành thuê bảo quản.	Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, doanh nghiệp nhận hợp đồng thuê bảo quản 1. Trực tiếp bảo quản hàng dự trữ quốc gia bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại và tại các địa điểm theo đúng hợp đồng đã ký. 2. Thực hiện nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia kịp thời theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 3. Thực hiện luân chuyển, hoán đổi hàng dự trữ quốc gia cũ, mới phải cùng chủng loại, số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật. 4. Thực hiện báo cáo việc nhập, xuất, tồn kho hàng dự trữ quốc gia cho cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách và bộ, cơ quan ngang bộ thuê bảo quản.	
Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1. Tuyên truyền, phổ biến, thực hiện chính sách, pháp luật về dự trữ quốc gia. 2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý dự trữ quốc gia trên địa bàn thực hiện	Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1. Tuyên truyền, phổ biến, thực hiện chính sách, pháp luật về dự trữ quốc gia. 2. Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý dự trữ quốc gia trên địa bàn thực hiện	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
nhiệm vụ nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm an toàn, bí mật các hoạt động dự trữ quốc gia tại địa phương. 3. Có trách nhiệm bố trí đất xây dựng kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	nhiệm vụ nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm an toàn, bí mật các hoạt động dự trữ quốc gia tại địa phương. 3. Có trách nhiệm bố trí đất xây dựng kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	
Điều 21. Phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia 1. Bộ Tài chính trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản những mặt hàng dự trữ quốc gia đáp ứng yêu cầu về sản xuất, đời sống, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn. 2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản những mặt hàng dự trữ quốc gia đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. 3. Chính phủ phân công bộ, ngành trực tiếp tổ chức quản lý, bảo quản những mặt hàng dự trữ quốc gia không được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	Lược bỏ điều này	
Điều 22. Các hành vi bị cấm 1. Tiết lộ bí mật nhà nước về dự trữ quốc gia. 2. Lợi dụng việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia, tự ý thay đổi giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia để trục lợi. 3. Thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định về quản lý dự trữ quốc gia gây hư hỏng, mất mát, lãng phí tài sản thuộc dự trữ quốc gia. 4. Xâm phạm, phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật, hàng hóa dự trữ quốc gia. 5. Cản trở hoạt động dự trữ quốc gia.	Điều 20. Các hành vi bị cấm 1. Tiết lộ bí mật nhà nước về dự trữ quốc gia. 2. Lợi dụng việc nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, vận chuyển hàng dự trữ quốc gia, tự ý thay đổi giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia để trục lợi. 3. Thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định về quản lý dự trữ quốc gia gây hư hỏng, mất mát, lãng phí tài sản thuộc dự trữ quốc gia. 4. Xâm phạm, phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật, hàng hóa dự trữ quốc gia. 5. Cản trở hoạt động dự trữ quốc gia.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA. HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
6. Sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích. 7. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia không đúng thẩm quyền, không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, địa điểm. 8. Can thiệp trái pháp luật trong hoạt động dự trữ quốc gia. 9. Thực hiện không đúng; các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê trong hoạt động dự trữ quốc gia. 10. Thuê tổ chức, doanh nghiệp không đủ điều kiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	6. Sử dụng hàng dự trữ quốc gia sai mục đích. 7. Nhập, xuất, mua, bán hàng dự trữ quốc gia không đúng thẩm quyền, không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, địa điểm. 8. Can thiệp trái pháp luật trong hoạt động dự trữ quốc gia. 9. Thực hiện không đúng; các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê trong hoạt động dự trữ quốc gia. 10. Thuê tổ chức, doanh nghiệp không đủ điều kiện bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	
Điều 23. Chiến lược dự trữ quốc gia 1. Nguyên tắc xây dựng chiến lược dự trữ quốc gia: a) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ trong từng thời kỳ; b) Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; c) Căn cứ vào dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước, tình huống đột xuất, cấp bách có khả năng xảy ra. 2. Nội dung chiến lược dự trữ quốc gia: a) Mục tiêu dự trữ quốc gia, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; b) Nguồn lực dự trữ quốc gia; kế hoạch bố trí dự trữ quốc gia theo các khu vực, địa bàn chiến lược; bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích; sẵn sàng ứng phó với tình huống đột xuất, cấp bách; c) Định hướng phát triển dự trữ quốc gia; d) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược dự trữ quốc gia. 3. Chiến lược dự trữ quốc gia được xây dựng cho giai đoạn 10	Điều 21. Chiến lược dự trữ quốc gia 1. Nguyên tắc xây dựng chiến lược dự trữ quốc gia: a) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ trong từng thời kỳ; b) Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; c) Căn cứ vào dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước, tình huống đột xuất, cấp bách có khả năng xảy ra. 2. Nội dung chiến lược dự trữ quốc gia: a) Mục tiêu dự trữ quốc gia, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; b) Nguồn lực dự trữ quốc gia; kế hoạch bố trí dự trữ quốc gia theo các khu vực, địa bàn chiến lược; bảo đảm quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích; sẵn sàng ứng phó với tình huống đột xuất, cấp bách; c) Định hướng phát triển dự trữ quốc gia; d) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu thực hiện chiến lược dự trữ quốc gia. 3. Chiến lược dự trữ quốc gia được xây dựng cho giai đoạn	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
năm, tầm nhìn 20 năm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.	10 năm, tầm nhìn 20 năm phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.	
Điều 24. Kế hoạch dự trữ quốc gia 1. Kế hoạch dự trữ quốc gia được xây dựng 5 năm, hằng năm và được tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. 2. Căn cứ xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia: a) Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia; b) Mục tiêu của dự trữ quốc gia; c) Khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; d) Dự báo về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, quốc tế. 3. Nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia: a) Mức dự trữ quốc gia cuối kỳ; b) Kế hoạch tăng, giảm dự trữ quốc gia, luân phiên đổi hàng; c) Đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật; d) Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; đ) Phương án cân đối nguồn tài chính cho hoạt động dự trữ quốc gia.	Điều 22. Kế hoạch dự trữ quốc gia 1. Kế hoạch dự trữ quốc gia được xây dựng 5 năm, hằng năm và được tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. 2. Căn cứ xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia: a) Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia; b) Mục tiêu của dự trữ quốc gia; c) Khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; d) Dự báo về tình hình kinh tế - xã hội trong nước, quốc tế. 3. Nội dung kế hoạch dự trữ quốc gia: a) Mức dự trữ quốc gia cuối kỳ; b) Kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia; c) Đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật; d) Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đ) Phương án cân đối nguồn tài chính kế hoạch dự trữ quốc gia.	
Điều 25. Tổng mức dự trữ quốc gia Tổng mức dự trữ quốc gia được bảo đảm thực hiện mục tiêu dự trữ quốc gia.	Điều 23. Tổng mức dự trữ quốc gia Tổng mức dự trữ quốc gia được bảo đảm thực hiện mục tiêu dự trữ quốc gia.	
Điều 26. Phương thức dự trữ quốc gia Dự trữ quốc gia được dự trữ bằng vật tư, thiết bị, hàng hóa.	Điều 24. Phương thức dự trữ quốc gia Dự trữ quốc gia được dự trữ bằng vật tư, thiết bị, hàng hóa.	
Điều 27. Danh mục hàng dự trữ quốc gia 1. Các mặt hàng thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng mục tiêu dự trữ quốc gia quy định tại Điều 3 của Luật	Điều 25. Danh mục hàng dự trữ quốc gia 1. Các mặt hàng thuộc Danh mục hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng mục tiêu dự trữ quốc gia quy định tại Điều 3 của	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
này và một trong các tiêu chí sau đây: a) Là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có tần suất sử dụng nhiều, có tác dụng ứng phó kịp thời trong tình huống đột xuất, cấp bách; b) Là mặt hàng đặc chủng, không thể thay thế; c) Là vật tư, thiết bị, hàng hóa bảo đảm quốc phòng, an ninh mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại. 2. Danh mục hàng dự trữ quốc gia bao gồm các nhóm hàng sau đây: a) Lương thực; b) Vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn; c) Vật tư thông dụng động viên công nghiệp; d) Muối trắng; d) Nhiên liệu; e) Vật liệu nổ công nghiệp; g) Hạt giống cây trồng; h) Thuốc bảo vệ thực vật; i) Hóa chất khử khuẩn, khử trùng làm sạch môi trường, xử lý nguồn nước sinh hoạt và trong nuôi trồng thủy sản; k) Thuốc phòng, chống dịch bệnh cho người; l) Thuốc phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, cây trồng, nuôi trồng thủy sản; m) Vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ quốc phòng, an ninh. 3. Trong trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng dự trữ quốc gia, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. 4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	Luật này và một trong các tiêu chí sau đây: a) Là mặt hàng chiến lược, thiết yếu, có tần suất sử dụng nhiều, có tác dụng ứng phó kịp thời trong tình huống đột xuất, cấp bách; b) Là mặt hàng đặc chủng, không thể thay thế; c) Là vật tư, thiết bị, hàng hóa bảo đảm quốc phòng, an ninh; d) Là các mặt hàng đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh lương thực; các mặt hàng góp phần điều tiết thị trường, phát triển kinh tế - xã hội; đ) Là các mặt hàng công nghệ, truyền thông phục vụ hoạt động dự trữ quốc gia. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và phân công các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
Điều 28. Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia 1. Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm. 2. Bộ Tài chính quản lý, phân bổ khoản chi cho mua hàng dự trữ quốc gia, mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất trong năm kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Điều 26. Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia Ngân sách nhà nước chi cho dự trữ quốc gia thuộc nhiệm vụ của cấp trung ương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.	
Điều 29. Ngân sách nhà nước chi cho mua hàng dự trữ quốc gia 1. Căn cứ vào kế hoạch dự trữ quốc gia và dự toán chi cho dự trữ quốc gia được giao, Bộ Tài chính cấp kinh phí cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia để mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định. 2. Trường hợp mua bù hàng dự trữ quốc gia đã xuất thì bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán bổ sung gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ. 3. Dự toán ngân sách nhà nước giao cho bộ, ngành để mua tăng, mua bù hàng dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch chưa sử dụng hết do chưa mua đủ số lượng hàng dự trữ quốc gia; vật tư, thiết bị, hàng hóa có chu kỳ sản xuất vượt quá năm ngân sách, có tính chất thời vụ; hàng hóa đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định chuyển nguồn sang năm sau trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.	Điều 27. Ngân sách nhà nước chi dự trữ quốc gia 1. Căn cứ vào kế hoạch dự trữ quốc gia và dự toán chi dự trữ quốc gia được giao, Bộ, ngành cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia giao kế hoạch, phân bổ dự toán cho các đơn vị dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định. 2. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ, cần bổ sung dự toán chi dự trữ quốc gia trong năm thì bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán bổ sung gửi Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. 3. Dự toán chi dự trữ quốc gia trong năm ngân sách chưa sử dụng hết thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau. 4. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo hiểm được thực hiện theo kế hoạch, dự toán, định mức, hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và theo chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành. 5. Chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo chế độ khoán. Mức khoán bao gồm toàn bộ các nội dung chi phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản; Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia được sử dụng kinh phí tiết kiệm sau khi hoàn thành nhiệm vụ để, tăng	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	cường cơ sở vật chất, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và tăng thu nhập cho cán bộ công chức. 6. Đối với nhiệm vụ phát sinh trong năm, chưa có trong dự toán được giao đầu năm, Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật, hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia, lập dự toán chi nghiệp vụ dự trữ quốc gia, báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện. 7. Đối với các nhiệm vụ cần thực hiện ngay mà chưa được cấp có thẩm quyền giao dự toán, hoặc trường hợp cần kinh phí mua hàng dự trữ quốc gia để đảm bảo thời vụ trong khi chưa bán được hàng, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia báo cáo Bộ Tài chính cho phép tạm ứng chi dự trữ quốc gia từ NSNN để thực hiện và hoàn ứng khi được giao dự toán hoặc khi bán được hàng theo quy định.	
Điều 30. Ngân sách nhà nước chi cho đầu tư xây dựng cơ bản của dự trữ quốc gia 1. Ngân sách nhà nước chi cho đầu tư xây dựng cơ bản của dự trữ quốc gia được bố trí trong kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. 2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật.	Điều 28. Ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển của dự trữ quốc gia 1. Ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển của dự trữ quốc gia được bố trí trong kế hoạch hằng năm của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.	
Điều 31. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia	Điều 29. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
1. Ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia bao gồm: chỉ cho hoạt động của bộ máy quản lý; chỉ hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia; chỉ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ bảo quản; chỉ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. 2. Ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia của bộ, ngành, đơn vị dự trữ quốc gia được thực hiện theo kế hoạch, dự toán, định mức, hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia và theo chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành. 3. Chi phí nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo chế độ khoán. 4. Chi phí nhập, xuất cấp hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ được Bộ Tài chính cấp theo dự toán được phê duyệt. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật, hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia, lập dự toán chi cho việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt trước khi thực hiện; trường hợp chưa được phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng để các cơ quan, đơn vị dự trữ quốc gia triển khai thực hiện.	1. Ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia từ chi thường xuyên bao gồm: chỉ cho hoạt động của bộ máy quản lý; chỉ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ bảo quản; chỉ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chỉ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dự trữ quốc gia và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. 2. Ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động quản lý dự trữ quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị dự trữ quốc gia được thực hiện theo chế độ quản lý tài chính, ngân sách hiện hành.	
Điều 32. Cơ chế tài chính; chế độ kế toán, kiểm toán; chế độ thống kê, báo cáo về dự trữ quốc gia 1. Cơ chế tài chính đối với dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp	Điều 30. Cơ chế tài chính; chế độ kế toán, kiểm toán; chế độ thống kê, báo cáo về dự trữ quốc gia 1. Cơ chế tài chính đối với dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định khác của	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
luật có liên quan. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động dự trữ quốc gia, gửi Bộ Tài chính kiểm tra, thẩm định, tổng hợp; báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt. Sau khi được Quốc hội phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán và Bộ Tài chính thực hiện phân bổ cho bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. 2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, đơn vị dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, thống kê, kiểm toán và chế độ báo cáo về dự trữ quốc gia. 3. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính thẩm định, tổng hợp quyết toán về dự trữ quốc gia, báo cáo Chính phủ. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về dự trữ quốc gia phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.	pháp luật có liên quan. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia, đơn vị dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, thống kê, kiểm toán và chế độ báo cáo về dự trữ quốc gia. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, duyệt quyết toán ngân sách nhà nước đã cấp cho đơn vị bảo quản hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết toán đã được duyệt; tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính. Bộ Tài chính kiểm tra, tổng hợp quyết toán về dự trữ quốc gia, báo cáo Chính phủ.	
Điều 33. Nguyên tắc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia Việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: 1. Đúng kế hoạch, thẩm quyền; 2. Đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, giá, địa điểm; bảo đảm kịp thời, an toàn; đúng thủ tục nhập, xuất theo quy định	Điều 31. Nguyên tắc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia Việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: 1. Đúng kế hoạch, thẩm quyền; 2. Đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, giá, địa điểm; bảo đảm kịp thời, an toàn; đúng thủ tục nhập, xuất theo quy định	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
của pháp luật.	của pháp luật.	
Điều 34. Các trường hợp nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia 1. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 35 của Luật này. 2. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách quy định tại Điều 36 của Luật này. 3. Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo chỉ tiêu kế hoạch được giao quy định tại Điều 37 của Luật này. 4. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác quy định tại Điều 39 của Luật này.	Điều 32. Các trường hợp nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia 1. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách quy định tại Điều 33 của Luật này. 2. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Điều 34 của Luật này. 3. Tạm xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Điều 35 của Luật này; 4. Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch được giao quy định tại Điều 36 của Luật này. 5. Điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại Điều 37 của Luật này; 6. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác quy định tại Điều 38 của Luật này.	
Điều 35. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau đây: a) Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) công bố dịch bệnh xảy ra tại địa phương; b) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, cứu đói; c) Khi giá cả thị trường tăng, giảm đột biến; d) Đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh; đ) Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. 2. Quy trình xuất hàng dự trữ quốc gia:	Điều 34. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau đây: 1. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn; hoặc lý do bất khả kháng khác; 2. Hỗ trợ cứu đói, đảm bảo an sinh xã hội; 3. Khi giá cả thị trường tăng, giảm đột biến; phục vụ điều tiết thị trường; 4. Đáp ứng an ninh năng lượng, an ninh lương thực; phát triển kinh tế - xã hội; 5. Đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh; 6. Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước;	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
a) Trường hợp xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực có văn bản báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ; b) Trường hợp xuất hàng dự trữ quốc gia khi giá cả thị trường tăng, giảm đột biến, Bộ trưởng Bộ Tài chính đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Trường hợp xuất hàng dự trữ quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; d) Trường hợp xuất hàng dự trữ quốc gia phục vụ hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hoặc các bộ, ngành phối hợp với Bộ Ngoại giao có văn bản đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.	7. Các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.	
Điều 36. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách Trong tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Luật này, thẩm quyền quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia được thực hiện như sau: 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định khẩn cấp việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia; 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy	Điều 33. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong tình huống đột xuất, cấp bách 1. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các tình huống sau: a) Tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật này; b) Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) công bố dịch bệnh xảy ra tại địa phương.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
định sau: a) Tạm xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia để phục vụ kịp thời nhiệm vụ phát sinh; sau khi hoàn thành nhiệm vụ phải thu hồi ngay để bảo dưỡng, nhập lại kho dự trữ quốc gia và bảo quản theo quy định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý; b) Nhập, xuất cấp ngay hàng dự trữ quốc gia có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật ngân sách nhà nước để phục vụ kịp thời cho mỗi nhiệm vụ phát sinh; c) Người có thẩm quyền quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia quy định tại khoản 2 Điều này phải quản lý, sử dụng đúng mục đích, đối tượng; báo cáo Thủ tướng Chính phủ, thông báo cho Bộ Tài chính trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; d) Bộ Tài chính kiểm tra việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia quy định tại Điều này, báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý kịp thời đối với trường hợp vi phạm và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.	2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về quyết định của mình và báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định nhập, xuất.	
	Điều 35: Tạm xuất hàng dự trữ quốc gia 1. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định tạm xuất hàng dự trữ quốc gia để kịp thời phục vụ nhiệm vụ phát sinh và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. 2. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức kiểm tra, giám định chất lượng; trường hợp hàng dự trữ quốc gia đáp	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dự trữ quốc gia phải được thu hồi ngay để bảo dưỡng, nhập lại kho dự trữ quốc gia và bảo quản theo quy định; trường hợp không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quyết định xử lý và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.	
Điều 37. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia 1. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia được thực hiện hằng năm. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. 2. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia; trường hợp chưa thực hiện xong trong năm kế hoạch, báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. 3. Trường hợp do giá thay đổi khi xuất bán để luân phiên đổi hàng mà số tiền thu được không mua đủ số lượng hàng theo kế hoạch được duyệt, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia mua số lượng hàng tương ứng với số tiền thu được. 4. Trường hợp mua hàng dự trữ quốc gia mang tính thời vụ, trường hợp luân phiên đổi hàng phải mua nhập hàng mới trước khi xuất bán hàng cũ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định việc cho tạm ứng ngân sách nhà nước để mua hàng; bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã tạm ứng trong năm kế hoạch.	Điều 36. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia 1. Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch, được thực hiện hằng năm. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia gửi Bộ Tài chính quyết định. 2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia; trường hợp chưa thực hiện xong trong năm kế hoạch, có văn bản gửi Bộ Tài chính quyết định. 3. Trường hợp do giá thay đổi khi xuất bán để luân phiên đổi hàng mà số tiền thu được không mua đủ số lượng hàng theo kế hoạch được duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia mua số lượng hàng tương ứng với số tiền thu được. 4. Trường hợp mua hàng dự trữ quốc gia mang tính thời vụ, trường hợp luân phiên đổi hàng phải mua nhập hàng mới trước khi xuất bán hàng cũ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định việc cho tạm ứng ngân sách nhà nước để mua hàng; bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã tạm ứng trong năm kế hoạch.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
Điều 38. Điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia 1. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp sau đây: a) Theo quy hoạch, kế hoạch để bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện về kho hàng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; b) Hàng dự trữ quốc gia trong vùng bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc không an toàn; c) Điều chuyển hàng dự trữ quốc gia đến nơi cần thiết để sẵn sàng phục vụ các nhiệm vụ phát sinh; d) Do yêu cầu cần thiết của công tác kiểm kê, bàn giao, thanh tra, điều tra. 2. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia thông báo cho Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định điều chuyển.	Điều 37. Điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia 1. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp sau đây: a) Theo quy hoạch, kế hoạch để bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện về kho hàng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; b) Hàng dự trữ quốc gia trong vùng bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc không an toàn; c) Điều chuyển hàng dự trữ quốc gia đến nơi cần thiết để sẵn sàng phục vụ các nhiệm vụ phát sinh; d) Do yêu cầu cần thiết của công tác kiểm kê, bàn giao, thanh tra, điều tra. 2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia thông báo cho Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc điều chuyển nội bộ hàng dự trữ quốc gia trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định điều chuyển.	
Điều 39. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác 1. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác, bao gồm: a) Xuất hàng dự trữ quốc gia khi thanh lý, tiêu hủy; b) Nhập hàng dự trữ quốc gia đối với số lượng hàng khi kiểm kê thực tế lớn hơn so với sổ kế toán. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Điều 38. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác, bao gồm: a) Điều chuyển hàng dự trữ quốc gia giữa các Bộ, cơ quan ngang bộ; b) Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác. 2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia trong các trường hợp khác, bao gồm: a) Xuất hàng dự trữ quốc gia khi thanh lý, tiêu hủy;	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	b) Nhập hàng dự trữ quốc gia đối với số lượng hàng khi kiểm kê thực tế lớn hơn so với sổ kế toán. 3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	
Điều 40. Phương thức mua hàng dự trữ quốc gia Việc mua hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức sau đây: 1. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu; 2. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng.	Điều 39. Phương thức mua hàng dự trữ quốc gia Việc mua hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức sau đây: 1. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 2. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng chỉ được áp dụng trong trường hợp mua thóc dự trữ quốc gia. 3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.	
Điều 41. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu 1. Mua hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về đấu thầu được thực hiện theo các hình thức sau đây: a) Đấu thầu rộng rãi; b) Mua sắm trực tiếp; c) Chào hàng cạnh tranh; d) Chỉ định thầu. 2. Các trường hợp chỉ định thầu được áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đối với các trường hợp sau đây: a) Đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải bảo đảm yêu cầu bí mật thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; b) Trường hợp không thể áp dụng đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh do tính chất đột xuất, cấp bách, yêu cầu thời vụ, thời điểm đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia là thuốc phòng, chống dịch bệnh, hóa chất sát trùng, thuốc bảo	Lược bỏ Điều này	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
vệ thực vật, hạt giống cây trồng.		
Điều 42. Điều kiện chỉ định thầu 1. Các trường hợp chỉ định thầu được quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có trong kế hoạch mua hàng dự trữ quốc gia được giao; b) Có kế hoạch chỉ định thầu được phê duyệt; c) Có dự toán được duyệt theo quy định; d) Có thời gian thực hiện hợp đồng không quá 12 tháng. 2. Việc chỉ định thầu phải tiến hành chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, tính chất phức tạp thì không quá 60 ngày. 3. Thẩm quyền, quy trình chỉ định thầu được áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu.	Lược bỏ Điều này	
Điều 43. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng 1. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng chỉ được áp dụng trong trường hợp mua thóc dự trữ quốc gia. 2. Mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng thực hiện như sau: a) Đơn vị được giao nhiệm vụ mua hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng trình Thủ trưởng cơ quan quản lý dự trữ quốc gia chuyên trách phê duyệt; b) Xác định số lượng, chất lượng; chủng loại thóc mua; địa điểm mua; thời hạn mua; giá mua; Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, đơn vị được giao nhiệm vụ mua hàng dự trữ quốc gia đăng tải trên báo 03 kỳ liên tiếp hoặc thông báo trên đài truyền hình 03 lần liên tiếp trong 03 ngày và tại địa điểm mua thóc về kế hoạch mua; tổ chức thực hiện mua theo đúng kế hoạch và giá niêm yết.	Lược bỏ Điều này	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
Điều 44. Phương thức bán hàng dự trữ quốc gia Việc bán hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức sau đây: 1. Bán đấu giá; 2. Bán chỉ định; 3. Bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.	Điều 40. Phương thức bán hàng dự trữ quốc gia Việc bán hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo các phương thức sau đây: 1. Bán đấu giá; 2. Bán chỉ định; 3. Bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.	
Điều 45. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia 1. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá. 2. Trường hợp đấu giá không thành thì đơn vị được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia báo cáo Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.	Điều 41. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia 1. Bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá. 2. Trường hợp đấu giá không thành thì đơn vị được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia báo cáo Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng.	
Điều 46. Bán chỉ định, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng 1. Hàng dự trữ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh chỉ được bán chỉ định cho mục đích quốc phòng, an ninh. 2. Các mặt hàng dự trữ quốc gia được bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng bao gồm: a) Thóc, vác xin, hóa chất khử trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng, muối trắng; b) Hàng dự trữ quốc gia không thuộc quy định tại khoản 1 và điểm a khoản này phải bán đấu giá nhưng bán đấu giá 02 cuộc không thành. Giá bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng không được thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá. 3. Bán chỉ định, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng được thực hiện theo quy trình sau đây: a) Đơn vị được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia lập kế	Điều 42. Bán chỉ định, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng 1. Hàng dự trữ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh chỉ được bán chỉ định cho mục đích quốc phòng, an ninh. 2. Các mặt hàng dự trữ quốc gia được bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng bao gồm: Hàng dự trữ quốc gia không thuộc quy định tại khoản 1 phải bán đấu giá nhưng bán đấu giá 02 cuộc không thành. Giá bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng không được thấp hơn giá khởi điểm bán đấu giá. 3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này:	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
hoạch bán chỉ định, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng trình Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phê duyệt; b) Xác định tên hàng; số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia bán; địa điểm bán; thời hạn bán; giá bán; c) Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, đơn vị được giao nhiệm vụ bán hàng dự trữ quốc gia đăng tải trên báo 03 kỳ liên tiếp hoặc thông báo trên đài truyền hình 03 lần liên tiếp trong 03 ngày và tại địa điểm bán hàng về kế hoạch bán; tổ chức thực hiện bán theo đúng kế hoạch và giá niêm yết. Đối với hàng dự trữ quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này không phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; giá bán theo giá được phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.		
Điều 47. Thanh lý hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia trong trường hợp không đáp ứng tiêu chí phục vụ mục tiêu dự trữ quốc gia thì thanh lý theo quy định của pháp luật. Việc thanh lý hàng dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định. 2. Tiền thu được từ thanh lý hàng dự trữ quốc gia sau khi trừ đi các chi phí hợp lý được nộp vào ngân sách nhà nước. 3. Đối với hàng dự trữ quốc gia không thể sử dụng được thì tiêu hủy. Việc tiêu hủy hàng dự trữ quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.	Chuyển lên Điều 36	
Điều 48. Thẩm quyền quyết định phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào quy định của Luật này, quyết định phương thức mua, bán hàng	Điều 43. Thẩm quyền quyết định phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ vào quy định của Luật này, quyết định phương	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.	thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.	
Điều 49. Giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia 1. Giá mua hàng dự trữ quốc gia theo phương thức đấu thầu, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo phương thức đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá và pháp luật về giá. 2. Giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo phương thức mua, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng được quy định như sau: a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu đối với hàng dự trữ quốc gia trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia; b) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, trừ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định mức giá cụ thể theo giá thị trường tại thời điểm và từng địa bàn khi mua, bán hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhưng không được cao hơn giá mua tối đa và thấp hơn giá bán tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định; c) Khi mua, bán hàng dự trữ quốc gia, nếu giá thị trường biến động cao hơn giá mua tối đa, thấp hơn giá bán tối thiểu, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh giá mua tối đa, giá bán tối thiểu trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính về nguyên tắc định giá.	Điều 44. Giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia 1. Giá mua hàng dự trữ quốc gia theo phương thức đấu thầu, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo phương thức đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá và pháp luật về giá. 2. Giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia theo phương thức mua, bán trực tiếp rộng rãi cho mọi đối tượng được quy định như sau: a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu đối với hàng dự trữ quốc gia trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia; b) Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia, trừ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định mức giá cụ thể theo giá thị trường tại thời điểm và từng địa bàn khi mua, bán hàng dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhưng không được cao hơn giá mua tối đa và thấp hơn giá bán tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định; c) Khi mua, bán hàng dự trữ quốc gia, nếu giá thị trường biến động cao hơn giá mua tối đa, thấp hơn giá bán tối thiểu, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh giá mua tối đa, giá bán tối thiểu trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia. 3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng,	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
	an ninh sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính về nguyên tắc định giá.	
Điều 50. Định mức chi phí nhập, chi phí xuất, chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia Việc quy định chi phí nhập, chi phí xuất và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định định mức chi phí nhập, chi phí xuất tại cửa kho dự trữ quốc gia và chi phí xuất tối đa ngoài cửa kho, chi phí bảo quản trên cơ sở đề nghị của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia.	Điều 45. Chi phí nhập, chi phí xuất, chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Việc quyết định chi phí nhập, chi phí xuất và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. 2. Thủ trưởng Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định chi phí nhập, chi phí xuất và chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Trường hợp hàng dự trữ quốc gia chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thủ trưởng Bộ, ngành cơ quan ngang bộ quản lý hàng DTQG phê duyệt chi phí tối đa và tổ chức triển khai thực hiện.	
Điều 51. Nguyên tắc bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ riêng đúng địa điểm quy định, bảo quản theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm về số lượng, chất lượng, an toàn. 2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu hao hụt quá định mức theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản phải bồi thường đối với số lượng hao hụt quá định mức đó; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì đơn vị, cá nhân được trích thưởng theo quy định của Chính phủ. 3. Hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng trong quá	Điều 46. Nguyên tắc bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia phải được cất giữ, bảo quản theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và pháp luật chuyên ngành, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm về số lượng, chất lượng, an toàn. 2. Bảo quản hàng dự trữ quốc gia nếu hao hụt quá định mức theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản phải bồi thường đối với số lượng hao hụt quá định mức đó; trường hợp giảm hao hụt so với định mức thì đơn vị, cá nhân được trích thưởng theo quy định của Chính phủ.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
trình bảo quản phải được phục hồi hoặc xuất bán kịp thời để hạn chế thiệt hại. Trường hợp hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng do nguyên nhân khách quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản không phải bồi thường; trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.	3. Hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng trong quá trình bảo quản phải được phục hồi hoặc xuất bán kịp thời để hạn chế thiệt hại. Trường hợp hàng dự trữ quốc gia bị hư hỏng, giảm chất lượng do nguyên nhân khách quan thì đơn vị, cá nhân bảo quản không phải bồi thường; trường hợp do nguyên nhân chủ quan thì phải bồi thường và bị xử lý theo quy định của pháp luật.	
Điều 52. Trách nhiệm bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 2. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kịp thời ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 3. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia và người trực tiếp quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao. 4. Đối với hàng dự trữ quốc gia có đặc thù về kỹ thuật, kho chứa, yêu cầu bảo quản, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật này để ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 5. Cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc bảo quản hàng dự trữ quốc gia của bộ, ngành, đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh	Điều 47. Trách nhiệm bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia và các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. 2. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra bảo quản hàng dự trữ quốc gia; kịp thời ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 3. Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý hàng dự trữ quốc gia và người trực tiếp quản lý, bảo quản hàng dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao. 4. Đối với hàng dự trữ quốc gia có đặc thù về kỹ thuật, kho chứa, yêu cầu bảo quản, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia phải lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật này để ký hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 5. Cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách có trách nhiệm kiểm	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
nghịệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	tra việc bảo quản hàng dự trữ quốc gia của bộ, cơ quan ngang bộ, đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	
Điều 53. Điều kiện được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia Tổ chức, doanh nghiệp được bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lựa chọn để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 1. Có tư cách pháp nhân; 2. Sản xuất, kinh doanh mặt hàng phù hợp với mặt hàng được thuê bảo quản; 3. Kho tàng, trang thiết bị phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; 4. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật có kinh nghiệm quản lý, chuyên môn phù hợp để đáp ứng yêu cầu bảo quản hàng dự trữ quốc gia; 5. Đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	Điều 48. Điều kiện được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia Tổ chức, doanh nghiệp được bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia lựa chọn để thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 1. Có tư cách pháp nhân; 2. Sản xuất, kinh doanh mặt hàng phù hợp với mặt hàng được thuê bảo quản; 3. Kho tàng, trang thiết bị phục vụ công tác nhập, xuất, bảo quản phù hợp với yêu cầu kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia; 4. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật có kinh nghiệm quản lý, chuyên môn phù hợp để đáp ứng yêu cầu bảo quản hàng dự trữ quốc gia; 5. Đủ năng lực tài chính để thực hiện hợp đồng bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	
Điều 54. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia 1. Cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan kiểm tra việc áp dụng; rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia phù hợp với mặt hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. 2. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và cơ quan dự trữ	Điều 49. Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia 1. Cơ quan quản lý, tổ chức, doanh nghiệp bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan kiểm tra việc áp dụng; rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hàng dự trữ quốc gia phù hợp với mặt hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
quốc gia chuyên trách căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia để xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.	2. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia và cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia để xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Bộ Tài chính phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu quản lý.	
Điều 55. Nguyên tắc sử dụng hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đối tượng; đúng chế độ quản lý tài chính, tài sản nhà nước, thống kê theo quy định của pháp luật. 2. Cơ quan, tổ chức sử dụng hàng dự trữ quốc gia chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo kết quả sử dụng hàng dự trữ quốc gia với cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách. 3. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về việc đề nghị cấp và sử dụng hàng dự trữ quốc gia.	Điều 50. Nguyên tắc sử dụng hàng dự trữ quốc gia 1. Hàng dự trữ quốc gia phải được sử dụng đúng mục đích, đối tượng; đúng chế độ quản lý tài chính, tài sản nhà nước, thống kê theo quy định của pháp luật. 2. Cơ quan, tổ chức sử dụng hàng dự trữ quốc gia chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo kết quả sử dụng hàng dự trữ quốc gia với cơ quan dự trữ quốc gia chuyên trách. 3. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về việc đề nghị cấp và sử dụng hàng dự trữ quốc gia.	
Điều 56. Trách nhiệm xuất cấp, tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm thực hiện đúng các thủ tục xuất kho, vận chuyển, giao hàng tại địa điểm quy định, kịp thời, an toàn, đúng số lượng, chất lượng, chủng loại. 2. Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ nhận hàng dự trữ quốc gia phải tiếp nhận kịp thời, phân phối đúng chế độ, chính sách, đối tượng; chấp hành chế độ quản lý	Điều 51. Trách nhiệm xuất cấp, tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia 1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm thực hiện đúng các thủ tục xuất kho, vận chuyển, giao hàng tại địa điểm quy định, kịp thời, an toàn, đúng số lượng, chất lượng, chủng loại. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ nhận hàng dự trữ quốc gia phải tiếp nhận kịp thời, phân phối đúng chế độ, chính sách, đối tượng; chấp	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
tài chính, tài sản nhà nước, chế độ thống kê và chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.	hành chế độ quản lý tài chính, tài sản nhà nước, chế độ thống kê và chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.	
Điều 57. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức sau khi nhận hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm: 1. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; bảo đảm không thất thoát, lãng phí; 2. Lập hồ sơ theo dõi, hạch toán, báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đối với hàng dự trữ quốc gia được cấp theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Đối với hàng dự trữ quốc gia được sử dụng nhiều lần phải mở sổ theo dõi chi tiết theo quy định của pháp luật.	Điều 52. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức sau khi nhận hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm: 1. Quản lý, sử dụng hàng dự trữ quốc gia đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; bảo đảm không thất thoát, lãng phí; 2. Lập hồ sơ theo dõi, hạch toán, báo cáo tình hình quản lý và sử dụng đối với hàng dự trữ quốc gia được cấp theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Đối với hàng dự trữ quốc gia được sử dụng nhiều lần phải mở sổ theo dõi chi tiết theo quy định của pháp luật.	
Điều 58. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia 1. Việc lập quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch và bảo đảm phù hợp với chiến lược dự trữ quốc gia; đồng bộ, phù hợp với nơi sản xuất nguồn hàng, mật độ dân cư; bảo đảm an toàn. 2. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Phù hợp với mục tiêu và yêu cầu dự trữ quốc gia; b) Bảo đảm tính liên hoàn của hệ thống kho dự trữ quốc gia theo tuyến, vùng lãnh thổ; c) Bảo đảm phát triển theo hướng hiện đại hóa;	Điều 53. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia 1. Việc lập quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc theo quy định của Luật Quy hoạch và bảo đảm phù hợp với chiến lược dự trữ quốc gia; đồng bộ, phù hợp với nơi sản xuất nguồn hàng, mật độ dân cư; bảo đảm an toàn. 2. Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Phù hợp với mục tiêu và yêu cầu dự trữ quốc gia; b) Bảo đảm tính liên hoàn của hệ thống kho dự trữ quốc gia theo tuyến, vùng lãnh thổ;	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư; đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện. 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.	c) Bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng hiện đại hóa trong công tác bảo quản và quy trình nhập, xuất; d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư; đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện. 3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.	
Điều 59. Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia 1. Nguyên tắc quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia: a) Phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và quy hoạch sử dụng đất của địa phương; b) Thuận lợi cho bảo vệ, phòng chống cháy nổ, giao thông, thông tin liên lạc, nhập, xuất hàng; bảo đảm kho không bị ngập lụt; đồng bộ, quy mô lớn, công nghệ bảo quản tiên tiến, cơ giới hóa trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia. 2. Nội dung quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm tính liên hoàn, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn với các vùng khác nhau trên toàn quốc, thuận lợi trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia; b) Bảo đảm hiệu quả sử dụng cao; c) Bảo đảm phát triển theo hướng hiện đại hóa công nghệ bảo quản và quy trình nhập, xuất; d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư; đ) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện.	Điều 54. Quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia 1. Nguyên tắc quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia: a) Phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia và quy hoạch sử dụng đất của địa phương; b) Thuận lợi cho bảo vệ, phòng chống cháy nổ, giao thông, thông tin liên lạc, nhập, xuất hàng; bảo đảm kho không bị ngập lụt; đồng bộ, quy mô lớn, công nghệ bảo quản tiên tiến, cơ giới hóa trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia. c) Hệ thống kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với danh mục hàng dự trữ quốc gia được phân công, quản lý. d) Đáp ứng nhu cầu xuất cấp của các địa phương theo địa bàn quản lý của các đơn vị dự trữ quốc gia. đ) Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng của các vùng. e) Phù hợp với nguồn lực về hệ thống kho bảo quản của từng đơn vị dự trữ quốc gia. 2. Nội dung quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
3. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm tính liên hoàn, kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn với các vùng khác nhau trên toàn quốc, thuận lợi trong nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia; b) Bảo đảm hiệu quả sử dụng cao; c) Bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng hiện đại hóa trong công tác bảo quản và quy trình nhập, xuất; tiên tiến, hiện đại, quy mô phù hợp tại các vùng, tuyến chiến lược trong cả nước theo các quy hoạch đã được duyệt đảm bảo yêu cầu trong nhập, xuất, bảo quản, điều chuyển hàng dự trữ quốc gia; tăng cường năng lực quản lý và công nghệ thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu hàng dự trữ quốc gia toàn quốc, kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và các cấp quản lý; d) Phù hợp với khả năng vốn đầu tư; d) Xác định rõ giải pháp và lộ trình thực hiện. 3. Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia tổ chức xây dựng và phê duyệt quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.	
Điều 60. Quy hoạch quỹ đất sử dụng xây dựng kho dự trữ quốc gia 1. Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia lập kế hoạch sử dụng đất xây dựng kho dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương. 2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm	Điều 55. Quy hoạch quỹ đất sử dụng xây dựng kho dự trữ quốc gia 1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia căn cứ quy hoạch chi tiết mạng lưới kho dự trữ quốc gia lập kế hoạch sử dụng đất xây dựng kho dự trữ quốc gia phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương. 2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
bố trí quỹ đất xây dựng kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch và thực hiện quản lý nhà nước đối với đất sử dụng vào mục đích xây dựng kho dự trữ quốc gia.	bố trí quỹ đất xây dựng kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch và thực hiện quản lý nhà nước đối với đất sử dụng vào mục đích xây dựng kho dự trữ quốc gia.	
Điều 61. Yêu cầu đối với kho dự trữ quốc gia 1. Kho dự trữ quốc gia phải được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có công nghệ bảo quản tiên tiến, trang bị đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 2. Khu vực kho dự trữ quốc gia phải được tổ chức bảo vệ chặt chẽ, an toàn, bí mật theo quy định của pháp luật; trang bị đa phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết cho quan sát, giám sát, phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, hư hỏng, mất mát và các yếu tố khác có thể gây thiệt hại đến hàng dự trữ quốc gia. 3. Căn cứ quy hoạch kho dự trữ quốc gia đã được phê duyệt, bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia huy động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia theo tiêu chuẩn kho được quy định tại Điều 62 của Luật này để đơn vị dự trữ quốc gia thuê hoặc nhận hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	Điều 56. Yêu cầu đối với kho dự trữ quốc gia 1. Kho dự trữ quốc gia phải được xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, có công nghệ bảo quản tiên tiến, trang bị đủ phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết để thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa việc nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia. 2. Khu vực kho dự trữ quốc gia phải được tổ chức bảo vệ chặt chẽ, an toàn, bí mật theo quy định của pháp luật; trang bị đa phương tiện, thiết bị kỹ thuật cần thiết cho quan sát, giám sát, phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, hư hỏng, mất mát và các yếu tố khác có thể gây thiệt hại đến hàng dự trữ quốc gia. 3. Căn cứ quy hoạch kho dự trữ quốc gia đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia huy động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng kho dự trữ quốc gia theo tiêu chuẩn kho được quy định tại Điều 62 của Luật này để đơn vị dự trữ quốc gia thuê hoặc nhận hợp đồng thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	
Điều 62. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia 1. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. Đối với kho dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an	Điều 57. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia 1. Tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia phải phù hợp với yêu cầu công nghệ bảo quản và đặc thù của mỗi loại hàng dự trữ quốc gia. 2. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia sau khi thống nhất với Thủ trưởng bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia. Đối với kho dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Bộ trưởng Bộ	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tiêu chuẩn kho dự trữ quốc gia sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
Điều 63. Hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia Hoạt động dự trữ quốc gia phải được đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ bảo quản; đầu tư phát triển công nghệ thông tin và các phương tiện khác; bảo đảm hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia.	Điều 58. Hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia Hoạt động dự trữ quốc gia phải được đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ bảo quản; đầu tư phát triển công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các phương tiện khác; bảo đảm hiện đại hóa hoạt động dự trữ quốc gia.	
Điều 64. Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và ứng dụng công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và ứng dụng công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng yêu cầu sau đây: a) Kéo dài thời hạn lưu kho bảo quản, bảo đảm chất lượng, giảm hao hụt hàng dự trữ quốc gia; hạn chế ô nhiễm môi trường; b) Phù hợp với thực tiễn; tiếp thu, chuyển giao có chọn lọc công nghệ bảo quản tiên tiến của quốc tế. 2. Nội dung nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia bao gồm: a) Nghiên cứu công nghệ bảo quản mới thay thế công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia đã lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; b) Mở rộng hợp tác quốc tế trong chuyển giao ứng dụng công nghệ tiên tiến bảo quản hàng dự trữ quốc gia; c) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao.	Điều 59. Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia 1. Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia phải đáp ứng yêu cầu sau đây: a) Kéo dài thời hạn lưu kho bảo quản, bảo đảm chất lượng, giảm hao hụt hàng dự trữ quốc gia; hạn chế ô nhiễm môi trường; b) Phù hợp với thực tiễn; tiếp thu, chuyển giao có chọn lọc công nghệ bảo quản tiên tiến của quốc tế. 2. Nội dung nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia bao gồm: a) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nghiên cứu công nghệ bảo quản mới thay thế công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia đã lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước	

LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT LUẬT DỰ TRỮ QUỐC GIA (SỬA ĐỔI)	THUYẾT MINH
3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia.	ngoài; b) Mở rộng hợp tác quốc tế trong chuyển giao ứng dụng công nghệ tiên tiến bảo quản hàng dự trữ quốc gia; c) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao. 3. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất, gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. ;	
Điều 65. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.	Điều 60. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20....	
Điều 66. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật./.	Điều 61. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật.	
	Điều 62. Điều khoản chuyển tiếp Các nhiệm vụ đang tổ chức triển khai chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 thì thực hiện theo quy định của Luật này.	